

CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Công Ty

**“XUỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH
PHÚC QUÂN”**

Địa điểm: 67A2 Đường Thạnh Xuân 21, Khu phố 5, Phường
Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

Đơn vị phối hợp thực hiện

Công ty TNHH TVQL Môi trường

Dông Nam Á



Đơn vị thực hiện

Công ty TNHH Phúc Quân



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3/2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH	5
MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	7
1. Tên chủ Công ty	7
2. Tên Công ty	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Công ty	8
3.1. Công suất hoạt động của Công ty	8
3.2. Công nghệ sản xuất	10
3.3. Sản phẩm của Công ty.....	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Công ty	12
5. Các thông tin khác liên quan đến Công ty	18
5.1. Các hạng mục công trình của Công ty	18
5.2. Nhu cầu lao động	19
5.3. Máy móc, thiết bị của Công ty	19
5.4. Hệ thống thoát nước và các công trình xử lý môi trường	20
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
1. Sự phù hợp của Công ty với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	22
2. Sự phù hợp của Công ty với khả năng chịu tải của môi trường.....	23
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY	25
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử, thu gom và xử lý nước thải	25
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25
1.2. Thu gom, thoát nước thải	26
1.3. Xử lý nước thải.....	29
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	30
2.1. Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông	31
2.2. Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và nhiệt thừa	32
2.3. Mùi hôi từ khu vực tập kết CTR	37
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	37
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	37
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	38

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	39
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	41
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	42
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	46
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	47
1. Nội dung cấp phép đối với nước thải	47
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	49
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	49
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn	47
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY.....	51
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	51
2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải	54
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY	58
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	58
2. Chương trình quan trắc môi trường chất thải	58
2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	58
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	59
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Công ty	59
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	59
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	60
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CÔNG TY	61
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	63

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	:	Bộ Xây dựng
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
CP	:	Chính phủ
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CNTT	:	Công nghiệp thông thường
CTSH	:	Chất thải sinh hoạt
CTCNTT	:	Chất thải công nghiệp thông thường
KPH	:	Không phát hiện
KKXQ	:	Không khí xung quanh
MTV	:	Một thành viên
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quy định
QLCTNH	:	Quản lý chất thải nguy hại
TX	:	Thanh Xuân
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT	:	Tài nguyên Môi trường
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
WHO	:	World Health Organization (Tổ chức Y tế thế giới)
XLNT	:	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quy mô hoạt động của Công ty.....	9
Bảng 2. Công suất sản phẩm của Công ty	12
Bảng 3. Danh mục nguyên liệu dùng cho việc sản xuất.....	12
Bảng 4. Danh mục hóa chất dùng cho việc sản xuất	13
Bảng 5. Thống kê điện năng tiêu thụ 06 tháng gần nhất	13
Bảng 6. Thống kê nước cấp sử dụng 09 tháng gần nhất.....	14
Bảng 7. Nhu cầu xả thải tối đa của Công ty	17
Bảng 8. Bảng hạng mục công trình của Công ty	19
Bảng 9. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty	19
Bảng 10. Thống kê hạng mục hệ thống thu gom nước mưa cơ sở.....	26
Bảng 11. Thống kê hạng mục hệ thống thu gom, thoát nước thải cơ sở.....	28
Bảng 12. Thông số kỹ thuật nhiên liệu tiêu thụ của phương tiện giao thông.....	31
Bảng 13. Hệ số ô nhiễm phát sinh từ các phương tiện giao thông.....	31
Bảng 14. Hệ số ô nhiễm bụi trong công nghệ sản xuất bao bì	33
Bảng 15. Khối lượng chất thải CNTT của Công ty	38
Bảng 16. Khối lượng chất thải nguy hại.....	40
Bảng 17. Mức độ ồn tối đa cho phép của một số phương tiện giao thông.....	42
Bảng 18. Thành phần ô nhiễm và giới hạn ô nhiễm của nước thải	48
Bảng 19. Thành phần và khối lượng chất thải rắn thông thường	50
Bảng 20. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại	50
Bảng 21. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải	51
Bảng 22. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	52
Bảng 23. Thống kê vị trí điểm quan trắc không khí.....	54
Bảng 24. Kết quả đo tiếng ồn, vi khí hậu khu vực làm việc năm 2023.....	55
Bảng 25. Kết quả đo bụi và khí thải khu vực làm việc năm 2023.....	55
Bảng 26. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.....	59

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Vị trí của Công ty.....	7
Hình 2. Xưởng sản xuất của Công ty.....	8
Hình 3. Sản phẩm bao bì carton các loại của Công ty (thùng, tấm carton)	9
Hình 4. Sơ đồ quy trình sản xuất thùng carton	10
Hình 5. Máy móc sản xuất của Công ty.....	11
Hình 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Công ty	25
Hình 7. Vị trí ống thoát nước mưa của Công ty.....	26
Hình 8. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Công ty.....	28
Hình 9. Hồ ga thoát nước thải Công ty	29
Hình 10. Sơ đồ nguyên lý của bể tự hoại 3 ngăn	29
Hình 11. Bố trí nhà xưởng cao ráo, thiết kế 2 mái tạo thông thoáng toàn xưởng.....	34
Hình 12. Trang bị quạt khu vực xưởng và trang bị khẩu trang cho người lao động.....	34
Hình 13. Nơi lưu chứa chất thải sinh hoạt	38
Hình 14. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp	39
Hình 15. Khu vực lưu chứa nước thải rửa bản in có dính thành phần nguy hại	41
Hình 16. Thiết bị PCCC của Công ty.....	44

MỞ ĐẦU

Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân là công ty đi vào hoạt động kể từ năm 2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh Xưởng Công ty TNHH Phúc Quân, Mã số doanh nghiệp 00001 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký lần đầu ngày 12/12/2019.

Địa điểm kinh doanh Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp Công ty TNHH Phúc Quân.

Công ty TNHH Phúc Quân đã thuê lại toàn bộ căn nhà tọa lạc tại số 67A2 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, Quận 12 (thuộc thửa đất số: 403, tờ bản đồ số: 51 (theo tài liệu năm 2005)) của ông Đinh Hoàng Mỹ và bà Phạm Thị Nhân theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD466405 và Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00606/13 do Ủy ban nhân dân Quận 12, TP.HCM cấp ngày 27/10/2005, đăng ký thay đổi ngày 04/11/2005. Với mục đích cho thuê nhà để kinh doanh sản xuất bao bì, tổng diện tích khu đất là 739,2 m² và thời hạn cho thuê nhà đến ngày 31/12/2033.

Trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH Phúc Quân biết được sự thay đổi về luật bảo vệ môi trường. Và để đảm bảo thực hiện đúng luật nhà nước ban hành, nên Công ty tiến hành xin giấy phép môi trường cho “Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân”.

Căn cứ vào loại hình hoạt động của “Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân” là loại hình hoạt động sản xuất, mua bán bao bì, thùng carton, giấy và các nguyên liệu giấy (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy) với quy mô 120.000 thùng/tháng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thuộc phụ lục II, nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Căn cứ theo khoản 4 điều 8 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng nên Công ty thuộc nhóm C (dự án công nghiệp khác theo quy định Luật đầu tư công). Công ty thuộc điểm 2, mục II, Phụ lục V Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 Luật bảo vệ môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Vì vậy, nên Công ty thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền thẩm định cấp phép của Công ty là Ủy Ban Nhân Dân Quận 12.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Tên chủ Công ty

- Tên chủ Công ty: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN
- Địa chỉ văn phòng: 67/1 Đường TX21 Khu phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ Công ty : (Bà) Trần Thị Anh Khanh.
- Chức vụ: Giám Đốc
- Điện thoại: 02837164541; Fax: 02837160528; Email: Không
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Phúc Quân, Mã số doanh nghiệp 0305049930 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/10/2019.

2. Tên Công ty

“XUỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN”

❖ Địa điểm Công ty :

Công ty được thực hiện tại địa chỉ 67A2 Đường TX21 Khu phố 5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, được thuê từ Hợp tác xã vận tải và du lịch Mỹ Tường với tổng diện tích 800 m².

Các vị trí tiếp giáp của Công ty như sau:

- + Phía Bắc : Giáp với Công ty TNHH Hilknit Vina
- + Phía Nam : Giáp với Công ty TNHH VMarble
- + Phía Đông: Giáp với đường Thạnh Xuân 21
- + Phía Tây : Giáp với khu đất trống

Hình ảnh vị trí và Xưởng sản xuất của công ty:



Hình 1. Vị trí của Công ty



Hình 2. Xưởng sản xuất của Công ty

❖ **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):**

– Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.006337.T cấp lần 1 ngày 03/07/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM cấp.

❖ **Quy mô của Công ty (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

– Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm C – thuộc lĩnh vực quy định tại điểm d khoản 4 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng.

– Công ty không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

– Thay vào đó, Công ty thuộc điểm 2, mục II, nhóm III thuộc Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

– Căn cứ Khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Dự án thuộc nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

– Công ty thực hiện Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Công ty TNHH Phúc Quân” được thực hiện theo Phụ lục XII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Công ty

3.1. Công suất hoạt động của Công ty

Công suất Công ty sản xuất bao bì carton các loại 120.000 thùng/tháng. Tùy số lượng đơn đặt hàng của khách hàng.

Bảng 1. Quy mô hoạt động của Công ty

STT	Quy mô	Đơn vị tính	Công suất hiện nay	Công suất tối đa
1	Sản xuất bao bì carton các loại	Thùng/tháng	100.000	120.000

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân, 2023)

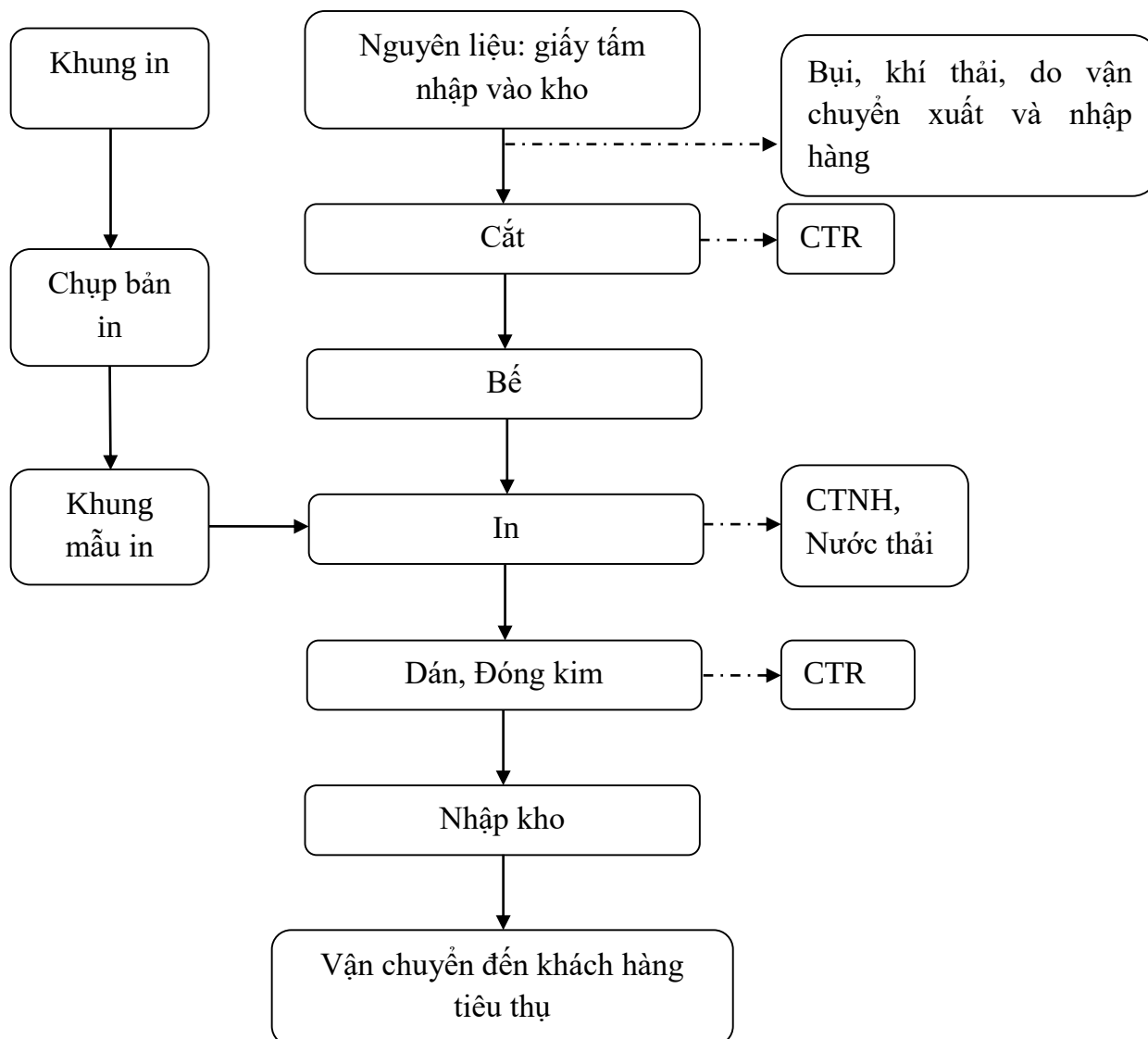
Hình ảnh sản phẩm của Công ty



Hình 3. Sản phẩm bao bì carton các loại của Công ty (thùng, tấm carton)

3.2. Công nghệ sản xuất

Sơ đồ quy trình sản xuất bao bì carton các loại:



Hình 4. Sơ đồ quy trình sản xuất thùng carton

Thuyết minh quy trình:

Quy trình nhìn chung tương đơn giản là quá trình nhập các loại giấy tấm (3-5-7 lớp). Sau đó các giấy tấm sẽ được cắt, bế theo kích thước của đơn hàng. Sau khi cắt, bế xong chuyển qua khâu in nhờ vào các khung lựa đã được chụp mẫu trên lựa. Sau khi in xong sản phẩm sẽ được dán đóng kim. Các sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được nhập kho để vận chuyển đến khách hàng tiêu thụ. Các nguồn phát sinh chất thải chủ yếu bao gồm:

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa bản kẽm dính mực in;
- Bụi, khí thải từ hoạt động do vận chuyển và nhập hàng;
- Chất thải rắn và chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất Công ty.

Máy móc sử dụng trong quá trình sản xuất:

	
Máy Flexo ngang 3 màu	Máy dán
	
Máy cán lăn xẻ biên	
	
Máy cột	
	
Máy bấm kim	

Hình 5. Máy móc sản xuất của Công ty

3.3. Sản phẩm của Công ty

Sản phẩm của Công ty tùy vào lượng sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng. Cụ thể như sau:

Bảng 2. Công suất sản phẩm của Công ty

STT	Tên sản phẩm	Công suất hiện nay (thùng/tháng)	Công suất tối đa (thùng/tháng)	Công suất tối đa (Thùng/năm)
1	Bao bì carton các loại	100.000	120.000	1.440.000

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Công ty

Công ty chỉ sử dụng nguyên vật liệu dùng cho sản xuất và hóa chất Axetol dùng để rửa phim in, không sử dụng nhiên liệu trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Phúc Quân. Nhu cầu sử dụng như sau:

– Nhu cầu nguyên liệu dùng cho sản xuất

Bảng 3. Danh mục nguyên liệu dùng cho việc sản xuất

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Giấy tấm (3-5-7 lớp)	Tấn/tháng	1
2	Mực in	Kg/tháng	100
3	Băng keo (cuộn)	Cuộn/tháng	100
4	Keo xanh (chụp bản)	Kg/tháng	10
5	Muối	Kg/tháng	5
6	Dây nilon	Kg/tháng	50
7	Bột sáng	Kg/tháng	1
8	Kẽm đóng thùng	Kg/tháng	30
9	Dao đĩa	Kg/tháng	40
10	Đá mài dao	Kg/tháng	40
11	Keo con chó	Kg/tháng	1
12	Keo sữa dán thùng	Kg/tháng	30
13	Lụa (1200)	Kg/tháng	2
14	Vải vụn	Kg/tháng	30

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

– Nhu cầu sử dụng hóa chất

Hóa chất được mua từ thị trường trong nước, vận chuyển về Công ty và tập trung tại khu vực lưu chứa riêng.

Bảng 4. Danh mục hóa chất dùng cho việc sản xuất

Hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
Axetol	Kg/tháng	5	Dùng rửa phim in

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

Thành phần và đặc tính hóa học của các loại hóa chất sử dụng

✓ Axetol (tên thường gọi là Dimethyl Formadehyde) là hợp chất hữu cơ. Axetol là một chất lỏng dễ cháy, không màu, bay hơi nhanh và có mùi đặc trưng. Có thể gây hại nếu lượng lớn Axetol xâm nhập vào cơ thể, sẽ gây ra những ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe như ói mửa, khi dung dịch bắn vào sẽ gây cay mắt, tổn thương giác mạc. Khi uống hoặc hít phải hơi có thể ảnh hưởng đến họng, mũi và hệ hô hấp.

– **Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng điện**

❖ **Nguồn cung cấp điện:**

Nguồn điện của Công ty được cấp từ Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông.

❖ **Nhu cầu sử dụng điện:**

Mục đích sử dụng chủ yếu là phục vụ cho quá trình thấp sáng sinh hoạt và phục vụ cho các hoạt động sản xuất của Công ty .

Nhu cầu sử dụng điện sử dụng của Công ty trung bình khoảng 1.545,5 Kwh/tháng (Căn cứ hóa đơn điện 12 tháng gần nhất).

Bảng 5. Thống kê điện năng tiêu thụ 12 tháng gần nhất

Tháng	Điện năng tiêu thụ (Kwh/tháng)
Tháng 02/2023	1.047
Tháng 03/2023	1.169
Tháng 04/2023	1.207
Tháng 05/2023	1.724
Tháng 06/2023	1.776

Tháng	Điện năng tiêu thụ (Kwh/tháng)
Tháng 07/2023	1.656
Tháng 08/2023	1.485
Tháng 09/2023	1.441
Tháng 10/2023	1.669
Tháng 11/2023	1.820
Tháng 12/2023	1.776
Tháng 01/2024	1.776
Tổng	18.546
Trung bình	1.545,5

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân, Hóa đơn đính kèm phụ lục)

– **Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước, nhu cầu xả thải**

❖ **Nguồn cung cấp nước**

Nguồn cung cấp nước của Công ty được cấp từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

❖ **Nhu cầu sử dụng nước:**

Lưu lượng nước này phục vụ chủ yếu cho sản xuất và sinh hoạt của công nhân viên. Quá trình sản xuất sử dụng nước dùng để lau và rửa khung bản in, nước sử dụng qua sẽ được chứa lại trong các thùng mực in – thùng 20 lít và lưu vào bồn chứa dung tích 30kg.

Nhu cầu sử dụng nước của Công ty trung bình khoảng $26,583 \text{ m}^3/\text{tháng} = 1,022 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (Căn cứ hóa đơn tiền nước 12 tháng gần nhất).

Bảng 6. Thống kê nước cấp sử dụng 12 tháng gần nhất

Tháng	Lượng nước sử dụng ($\text{m}^3/\text{tháng}$)	Lượng nước sử dụng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
Tháng 02/2023	6	0,231
Tháng 03/2023	9	0,346

Tháng	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)
Tháng 04/2023	9	0,346
Tháng 05/2023	25	0,962
Tháng 06/2023	19	0,731
Tháng 07/2023	40	1,538
Tháng 08/2023	46	1,769
Tháng 09/2023	66	2,538
Tháng 10/2023	22	0,846
Tháng 11/2023	20	0,769
Tháng 12/2023	25	0,962
Tháng 01/2024	32	1,231
Trung bình	26,583	1.022

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân, Hóa đơn đính kèm phụ lục)

Nhu cầu sử dụng nước phát sinh cho quá trình hoạt động tối đa được tính toán dựa trên quá trình cụ thể như sau:

✓ **Nước cấp phục vụ cho công nhân viên:**

Nước cấp sinh hoạt phục vụ cho công nhân viên của Công ty. Theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng TCXDVN 33:2006 – Quyết định 06/2006/QĐ-BXD ngày 17/03/2006 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình, định mức cấp nước là 45 lít/người/ca. Như vậy, lượng nước cấp cho 34 công nhân viên là:

$$45 \text{ lít/người/ca} \times 34 \text{ công nhân viên} = 1530 \text{ lít/ngày} \approx 1,53 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Công ty không tổ chức nấu ăn cho công nhân viên nên lượng nước cấp sinh hoạt chủ yếu là vệ sinh, rửa chân tay.

✓ **Nước cấp sử dụng cho PCCC:**

Công ty có trang bị bể chứa nước với thể tích bể 10m³. Định kỳ hàng tháng Công ty sẽ kiểm tra máy bơm chữa cháy, vì vậy lượng nước sẽ tiêu tốn và bổ sung nước bù đắp.

Theo đó lượng nước sử dụng vào khoảng 2 – 3 m³/tháng trung bình khoảng 3 m³/tháng tương đương 0,1 m³/ngày.

✓ **Nước cấp sử dụng cho lau và vệ sinh khung bản in**

Do đặc thù sản xuất của Công ty là ngành in ấn bao bì, nên hầu như không sử dụng nước trong quá trình sản xuất.

Chỉ sử dụng nước để ngâm và lau các khung bản in đã in. Lượng nước sử dụng để vệ sinh khung bản in được lưu chứa trong các thùng 20l.

Quá trình vệ sinh khung bản in chủ yếu là dùng dung dịch để lau và lấy đi phần mực dư trên khung bản, sau đó khung bản sẽ được ngâm vào thùng nước để vệ sinh lại 1 lần và lấy lên để khô. Vì vậy lượng nước sử dụng rất ít, nước ngâm khung bản sẽ được sử dụng 2 ngày mới thay/1 lần. Nước cấp sử dụng cho công đoạn lau và vệ sinh khung bản in, sẽ được thu gom và chứa lại trong các thùng mực in – thùng 20 lít và lưu vào thùng chứa có dung tích 30kg.

Lượng nước phát sinh tương đối ít, do chi tiết in nhỏ và Công ty dùng giẻ lau để lau các mực còn dính lại trên khung in. Các thùng nước đã sử dụng đựng trong các thùng 20 lít sẽ được thu gom toàn bộ và đổ vào trong thùng chứa có dung tích 30kg để lưu chứa tại vị trí riêng đúng theo quy định về việc quản lý chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị xử lý có chức năng định kỳ. Lưu lượng thải rất ít trung bình khoảng 60 lít/ ngày tương đương 1.560 lít/tháng.

✓ **Nước cấp sử dụng để rửa đường, sàn:**

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về quy hoạch xây dựng, chỉ tiêu cấp nước dùng cho rửa đường khoảng 0,4 lít/m²/ngày.đêm. Tổng diện tích tại Công ty là 739,2 m². Như vậy, lượng nước cấp dùng cho hoạt động lau rửa đường, sàn khoảng:

$$0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 739,2 \text{ m}^2 = 295,68 \text{ lít/ngày} \approx 0,29568 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Tuy nhiên do ngành nghề là bao bì, nên hoạt động rửa đường rửa sàn rất ít diễn ra, chỉ thực hiện vào cuối năm khi tổng dọn vệ sinh, để tránh gây ứ đọng hàng hóa trong quá trình hoạt động sản xuất. Lượng nước sử dụng trong 1 lần vào khoảng 0,3 m³/ngày, lượng phát sinh trong năm vào khoảng 0,5 - 1 m³/năm (tính 1 năm 2 lần vệ sinh) tại thời điểm cao điểm.

→ **Tổng lượng nước sử dụng cho tổng các hoạt động tại nhà máy vào khoảng 1,99 m³/ngày = 51,74 m³/tháng.**

❖ **Nhu cầu xả thải**

Lượng nước thải phát sinh tại Công ty bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt. Nhu cầu xả thải của Công ty như sau:

Bảng 7. Nhu cầu xả thải tối đa của Công ty

STT	Hạng mục	Lượng nước cấp (m ³)		Lượng nước thải (m ³)		Ghi chú
		Ngày	Tháng	Ngày	Tháng	
1	Nước cấp phục vụ cho công nhân viên (Tổng lượng người 34 người)	1,53	39,78	1,53	39,78	Phát sinh nước thải 100%
2	Nước cấp sử dụng cho PCCC	0,1	3	0	0	Chảy theo đường thu gom nước mưa
3	Nước cấp sử dụng cho lau và vệ sinh khung bản in	0,06	1,56	0,06	1,56	Thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý CTNH
4	Nước cấp sử dụng để rửa đường, sàn (tại ngày cao điểm nhất)	0,32	--	0,32	0,32	Thoát theo đường thu gom nước
Tổng cộng		1,99	51,74	1,91	41,66	--

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

Ghi chú:

Với tổng lượng nước thải phát sinh vào khoảng 1,91 m³/ngày tương đương 41,66 m³/tháng.

Trong đó có 0,06 m³/ngày tương đương 1,56 m³/tháng là nước phát sinh ở khâu rửa khung bản trong sản xuất, sẽ không thải ra bên ngoài, sẽ được lưu chứa trong thùng chứa 30kg và được chuyển giao định kỳ cho bên thu gom chất thải nguy hại để xử lý định kỳ.

Phần nước còn lại vào khoảng 1,85 m³/ngày = tương đương 40,1 m³/tháng là nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý qua hầm tự hoại trước khi thải ra cống thoát nước của khu vực.

Nước nước dùng PCCC sẽ một phần thấm vào đất và phần còn lại chảy tràn theo đường thu gom nước mưa nên sẽ không phát sinh nước thải.

5. Các thông tin khác liên quan đến Công ty

5.1. Các hạng mục công trình của Công ty

– Vị trí Công ty TNHH Phúc Quân được thuê từ Hợp tác xã vận tải và du lịch Mỹ Tường tại địa chỉ: 67A2, Đường TX 21, Khu phố 5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

– Quy mô diện tích: 739,2 m². Trong đó các hạng mục xây dựng chính bao gồm: khu văn phòng, nhà xưởng, kho và nhà phụ trợ (Nhà để xe, wc).

– Kết cấu xường: Tường gạch, bê tông cốt thép, mái tole. Các hạng mục công trình của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8. Bảng hạng mục công trình của Công ty

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu vực Xưởng sản xuất	708,2	95,806
2	Nhà vệ sinh	7	0,947
3	Kho lưu trữ CTRCNTT	24	3,247
Tổng diện tích		739,2	100

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

5.2. Nhu cầu lao động

- Số lượng công nhân viên hiện làm việc tại Công ty là 34 người.
- Chế độ làm việc: 8h/ngày, 1 ca/ngày.
- Thời gian làm việc: 26 ngày/tháng

5.3. Máy móc, thiết bị của Công ty

Hệ thống máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty đa số được mua từ trong và ngoài nước, những máy móc thiết bị này rất hiện đại. Tình trạng máy móc thiết bị còn mới khoảng 80%, bao gồm:

Bảng 9. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (cái)	Năm sử dụng	Xuất xứ	Tình trạng hoạt động
1	Máy cán lằn xẻ biên	2	2019	Taiwan	Tốt
2	Máy in Flexo ngang 3 màu	1	2022	Taiwan	Tốt
3	Máy đóng kim	1	2016	Taiwan	Tốt
4	Máy đóng kim tự động	1	2022	Taiwan	Tốt
5	Máy cột	2	2019	Taiwan	Tốt
6	Máy dán thùng	1	2019	Taiwan	Tốt
8	Xe nâng	3	2022	Taiwan	Tốt
9	Xe tải 1.2T	1	2012	Việt Nam	Tốt
10	Xe tải 1.8T	1	2016	Việt Nam	Tốt

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

5.4. Hệ thống thoát nước và các công trình xử lý môi trường

Công ty TNHH Phúc Quân đã thực hiện nghiêm túc Công tác bảo vệ môi trường định kỳ gồm:

➤ **Nguồn phát sinh nước thải và công trình xử lý nước thải**

– Nước thải sau xử lý và nước mưa được thu gom tách riêng và thoát vào hệ thống cống chung trên đường Thạnh Xuân 21.

– Nước mưa được thu gom từ mái của Công ty chảy tràn dọc theo đường ống nhựa PVC có đường kính Ø90mm đổ xuống hệ thống thu gom thoát nước mưa và sau đó chảy ra ngoài cống thoát nước chung trên đường Thạnh Xuân 21. Nước mưa được quy ước là nước sạch, nên không cần xử lý.

– Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên (Khu nhà vệ sinh) được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn và xử lý đạt quy chuẩn. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B trước khi thải vào cống thoát nước trên đường Thạnh Xuân 21.

➤ **Nguồn phát sinh bụi, khí thải và công trình xử lý bụi, khí thải**

– Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào trong Công ty chủ yếu là xe gắn máy của công nhân viên, xe vận tải chở hàng hóa,...

– Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu gia công, sản xuất bao bì hầu như các công đoạn đều phát thải bụi, tuy nhiên điển hình nhất là công đoạn cắt tấm theo quy cách sẽ phát sinh nhiều bụi nhất, còn các công đoạn khác có phát sinh bụi nhưng không đáng kể.

– Hoạt động sản xuất của Công ty có phát sinh mùi, hơi dung môi từ công đoạn in và vệ sinh bản in.

– Khí thải phát sinh từ nhiệt thừa và khí thải từ ống thoát hơi dung môi do in ấn

– Mùi hôi từ khu vực tập kết CTRSH.

→ Các tác động khí thải không lớn và không ảnh hưởng đến xung quanh. Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp (khu vực nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, thông trần xung quanh nhà xưởng, đảm bảo không khí bên trong nhà xưởng được lọc và làm sạch liên tục) nên mức độ tác động sẽ được giảm thiểu đáng kể. Để đảm bảo môi trường không khí Công ty đã phối hợp với Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động tiến hành đo đạc chất lượng môi trường không khí xung quanh.

➤ **Nguồn phát sinh chất thải rắn và công trình xử lý chất thải rắn**

– Chất thải rắn phát sinh của Công ty gồm chất thải rắn sinh hoạt (từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của công nhân viên), chất thải công nghiệp thông (từ hoạt động sản xuất như: bao bì, giấy vụn, giấy hư bỏ không dính mực in,...) và chất thải nguy hại (từ hoạt động sản xuất công đoạn lau và rửa khung bản in, dầu nhớt thải, hộp mực in thải,...)

– Toàn bộ chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn khi phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn theo tính chất (không nguy hại, nguy hại).

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của Công ty với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân hoạt động tại địa chỉ 67A2 Đường TX21, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM từ năm 2019, phù hợp với quy hoạch của thành phố Hồ Chí Minh nói chung và Quận 12 nói riêng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD466405 và Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00606/13 ngày 27/10/2005, đăng ký thay đổi ngày 04/11/2005 do UBND Quận 12 cấp với mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

Dự án đầu tư phù hợp với các văn bản pháp lý sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:

- + Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

- + Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định.

- + Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

- + Phù hợp với Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017.

- + Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- + Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân nằm tại vị trí 67A2 Đường TX21, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM đã được quy hoạch hoàn chỉnh nên phù hợp với quy hoạch chung của khu vực.

Do đó, Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân hoạt động tại địa chỉ 67A2 Đường TX21, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM là phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, đồng thời phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn Quận 12. Vì vậy, ngành nghề hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với các ngành nghề được phép hoạt động sản xuất trên địa bàn Quận 12.

2. Sự phù hợp của Công ty với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án hoạt động từ năm 2019 và hoàn thiện các hạng mục môi trường, hàng năm Công ty đều thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

Địa điểm cơ sở tại 67A2 Đường TX21, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM; vị trí nằm ở khu vực xung quanh các Công ty sản xuất kinh doanh, được chủ đầu tư có các phương án cụ thể bảo vệ môi trường như sau:

❖ Đối với môi trường không khí

Chất lượng không khí tại khu vực dự án còn tương đối sạch và hầu như chưa bị ô nhiễm. Nguồn tiếp nhận khí thải: Không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT. Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

➤ Khả năng chịu tải của môi trường không khí

Theo kết quả hiện trạng môi trường không khí tại Công ty (trình bày tại mục 2, Chương V) thì chất lượng môi trường không khí xung quanh và bên trong khu vực nhà xưởng đều nằm trong giới hạn quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT. Như vậy không khí tại khu vực chưa có bị ô nhiễm nên vẫn còn khả năng tiếp nhận lượng khí thải phát sinh từ Công ty.

❖ Đối với nước thải

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, rửa tay chân, lavabo, phễu thu sàn,... được thu vào ống thoát nước PVC 90mm và tự chảy về ngăn chứa của bể tự hoại 3 ngăn đặt âm tại nhà vệ sinh của Công ty. Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Xưởng sản xuất được thu gom và xử lý tại bể tự hoại đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp sẽ được dẫn về hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố trên đường Thạnh Xuân 21.

Nước thải sản xuất phát sinh ở khâu rửa khung bản được Công ty lưu chứa trong thùng. Công ty đã đăng ký nước thải sản xuất vào sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Vì vậy công ty lưu chứa và chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng định kỳ và khi đầy (*Đính kèm hợp đồng thu gom và chứng từ thu gom*).

Nước mưa chảy tràn: phát sinh từ việc chảy tràn trên bề mặt của dự án, chảy trên mái nhà cũng được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Thạnh Xuân 21.

➤ Khả năng chịu tải của môi trường nước

Do nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty không phải là sông, suối, kênh rạch, ao hồ; mà là cống thoát nước chung của khu vực (nằm trên đường Thạnh Xuân 21) nên

không có đánh giá khả năng tiếp nhận cũng như khả năng chịu tải của chất lượng nguồn nước mặt.

Với lưu lượng xả thải cao nhất của dự án hiện nay khoảng 0,8 - 1,9 m³/ngày là khá nhỏ nên ảnh hưởng không đáng kể đến dòng chảy nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố trên đường Thạnh Xuân 21.

Như vậy, việc xả nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K =1 trước khi thải vào cống thoát nước chung của thành phố là phù hợp và thuận lợi về mặt địa lý cũng như đảm bảo chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

❖ **Đối với chất thải rắn các loại**

Chủ Công ty cũng đã bố trí các thùng chứa chuyên dụng và bố trí các kho chứa chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại để lưu chứa trước khi chuyển giao cho Đơn vị thu gom có chức năng (Công ty đã ký kết hợp đồng thu gom với các công ty thu gom gồm: Công ty TNHH MTV Thu gom chất thải rắn Ngọc Nga, Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phạm Thu và Công ty Cổ phần Môi trường xanh Việt Nam). Cho nên, việc lưu chứa chất thải rắn của Công ty gây ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường đất tại khu vực.

Vì vậy, dự án đầu tư phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

– Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải của Công ty. Hệ thống được xây dựng đảm bảo cho khả năng tiêu thoát nước mưa tại Công ty.

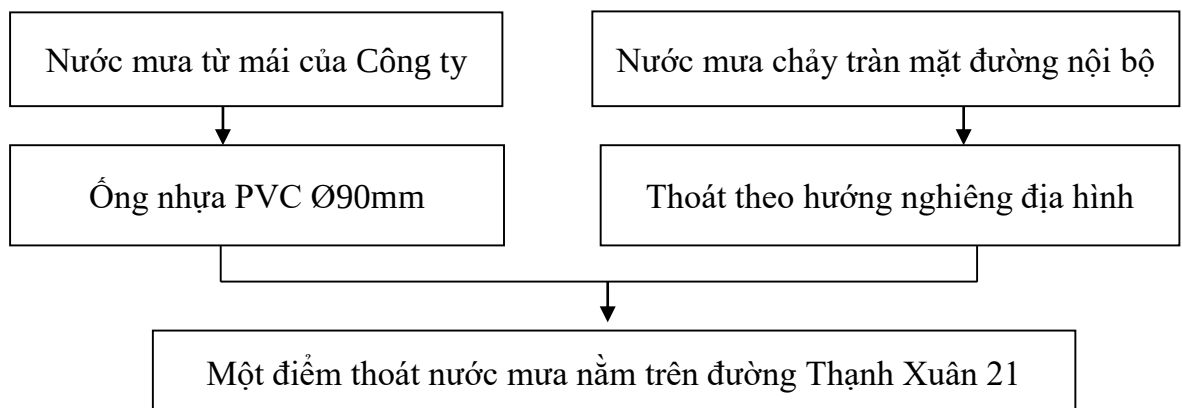
– Phương án thu gom, thoát nước mưa của Công ty như sau:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong khu vực Công ty bao gồm các rãnh thoát nước xây dựng xung quanh công trình, thu nước mưa từ trên mái đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống hở có nắp đan đáy bằng bê tông cốt thép dùng cống ngầm chịu lực.

+ Đối với lượng nước mưa rơi từ mái sẽ được thu gom vào các ống đứng thoát nước mưa mái bằng ống nhựa PVC Ø90mm.

+ Nước mưa được thu gom từ mái của Công ty chảy tràn dọc theo đường ống nhựa PVC có đường kính Ø90mm đổ xuống theo rãnh thoát nước mưa trên đường Thạnh Xuân 21 và sau đó chảy theo rãnh thoát nước về cống thoát nước chung trên đường Thạnh Xuân 21, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

– Sơ đồ thoát nước mưa của Công ty :



Hình 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Công ty

– Vị trí đầu nối: Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thu gom theo phương thức tự chảy bằng đường ống PVC Ø90mm về hố ga thoát nước mưa nằm trên một điểm đường Thạnh Xuân 21.

Bảng 10. Thống kê hạng mục hệ thống thu gom nước mưa cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước – Vị trí
1	Đường ống thu gom, thoát nước mưa	02 tuyến	Ống PVC, đường kính 90mm
2	Máng thu nước mưa trên mái	02 máng	Vật liệu: thép
3	Vị trí đầu nối nước mưa	01 hố ga	01 điểm nằm trên đường Thanh Xuân 21

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân, 2023)

Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng của Công ty sẽ cuốn theo rác thải, đất cát, các chất bẩn khác. Do đó, chủ Công ty đã thực hiện các biện pháp sau đây để giảm thiểu ô nhiễm đối với nước mưa:

- Tách riêng biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thu gom nước thải.
- Nước mưa tầng mái của Công ty tràn dọc theo đường ống nhựa PVC 90mm đổ xuống hệ thống rãnh thoát nước mưa trước khi chảy vào hố ga thu gom nước mưa của khu vực trên đường Thanh Xuân 21.



Hình 7. Vị trí ống thoát nước mưa của Công ty

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Biện pháp thu gom nước thải:

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của dự án sẽ được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

❖ Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ nhà vệ sinh, rửa tay chân, lavabo, phễu thu sàn,... được thu vào ống đứng thoát nước thải sinh hoạt bằng ống uPVC, toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được dẫn về hầm tự theo đường ống PVC Ø90mm.

Công trình thoát nước thải:

Nước thải sau khi xử lý qua hầm tự hoại sẽ theo đường ống chính - đường kính (ống nhựa PVC Ø120mm) và dẫn về cống BTCT Ø300mm, L = 8,0m sau đó dẫn về đường cống thoát nước chính của Công ty cống BTCT Ø400mm, L = 8,0m

Do lượng nước thải ít, vì vậy Nước thải phát sinh tại Công ty sau khi được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

❖ Đối với nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh ở khâu vệ sinh vật dụng gồm: dụng cụ pha màu mực, khung bản in v.v.v. để giảm lượng nước thải trong quá trình sản xuất.

Công ty đã sử dụng dung dịch axeton thấm vào giẻ lau và lau qua dụng cụ và khung bản in để lấy đi phần mực dư thừa còn lại. Vì vậy chỉ sử dụng nước để ngâm và rửa qua khung bản, lượng nước phát sinh 15 lít/ngày = 400 lít/ tháng, lượng nước phát sinh tương đối ít. Công ty lưu chứa trong thùng chứa và chuyển giao theo chất thải nguy hại để xử lý và không phát thải ra môi trường xung quanh.

1.2.2. Điểm xả nước thải sau xử lý:

– Vị trí xả nước thải, quy trình vận hành tại điểm thoát nước thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực như sau:

+ Hồ ga thoát nước thải có kích thước: 1m x 1m x 1,5m.

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,85 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn tiếp nhận: Hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường tuyến Thanh Xuân 21, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

+Vị trí đầu nổi: tại 67A2 Đường TX21, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP.HCM. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°):

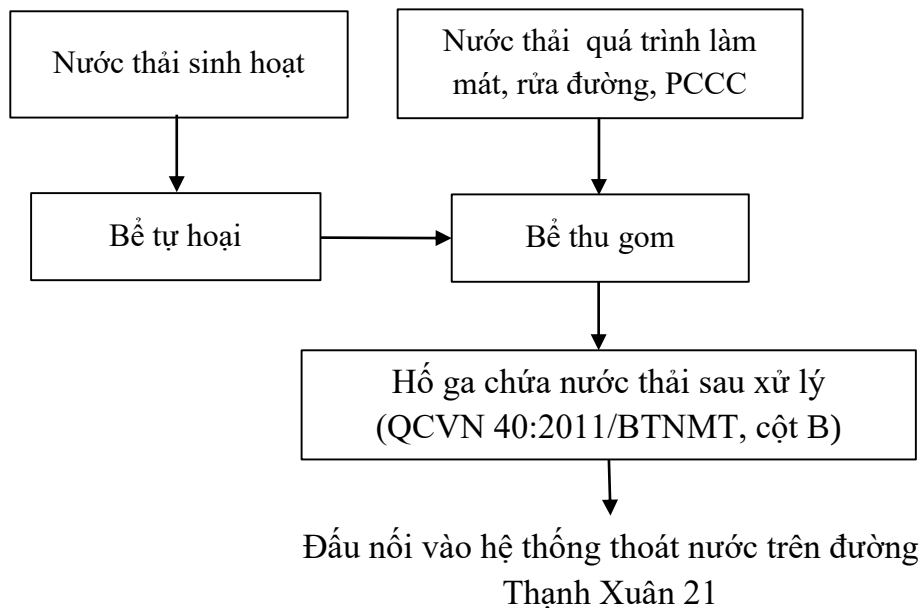
$X(m): 600678, Y(m): 1201731.$

– Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

– Chế độ xả thải: Liên tục theo thời gian hoạt động của Công ty.

– Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

1.2.3. Sơ đồ thu gom nước thải của Xưởng sản xuất:



Hình 8. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Công ty

Bảng 11. Thống kê hạng mục hệ thống thu gom, thoát nước thải cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước – Vị trí
1	Tuyến thu gom nước thải sinh hoạt dẫn về bể tự hoại	2 tuyến	Ống PVC Ø90mm
2	Tuyến thu gom từ bể tự hoại về cống BTCT nối vào hồ ga của Cơ sở	2 tuyến	Cống BTCT Ø300mm, L = 8m
3	Tuyến cống BTCT nối vào hồ ga Cơ sở đầu nối về hệ thống cống thoát nước chung	01 tuyến	BTCT Ø400mm , L = 8 m
4	Hồ ga thoát nước thải	01 hồ ga	Kích thước (dài x rộng x sâu) = 1m x 1m x 1,5m
5	Vị trí đầu nối nước thải	01 hồ ga	01 điểm nằm trên đường Thạnh Xuân 21

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân, 2023)

Nước thải sau xử lý được tự chảy theo đường ống PVC có đường kính Ø120mm về cống BTCT Ø300mm, L = 8,0m bên trong khu Công ty; sau đó, tự chảy theo đường cống chính BTCT Ø400mm, L = 8,0m đầu nối vào cống thoát nước chung trên đường Thạnh Xuân 21.



Hố ga thoát nước bên trong Công ty



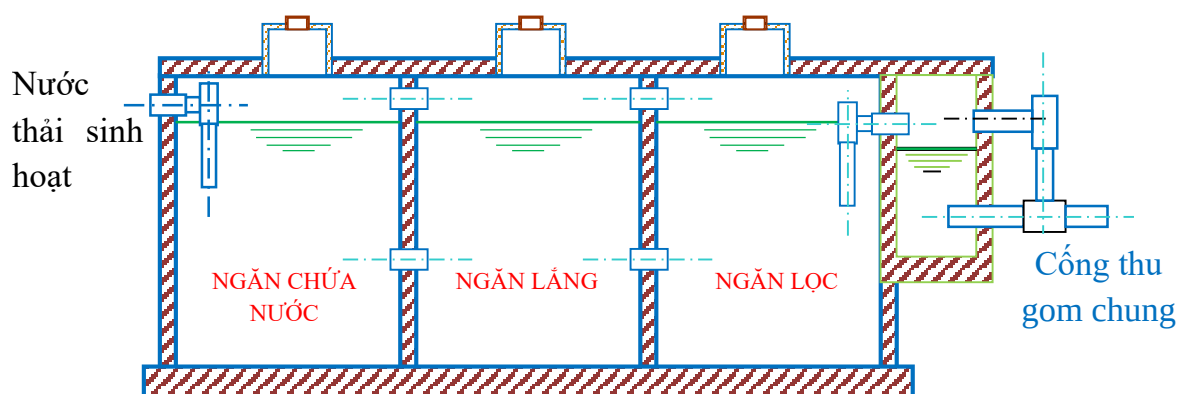
Cổng thoát nước chung trên đường
Thanh Xuân 21

Hình 9. Hồ ga thoát nước thải Công ty

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên (Khu nhà vệ sinh).
- Các thành phần chủ yếu trong nước thải sinh hoạt có khả năng ảnh hưởng đến môi trường như: chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (cacbohydrat, protein, dầu mỡ), các chất dinh dưỡng (phospho, nitơ) và các vi sinh vật. Các chất ô nhiễm này nếu đưa vào môi trường sẽ làm cho nguồn nước bị ô nhiễm: gây nên hiện tượng phú dưỡng hóa, sự phân hủy các chất hữu cơ làm thiếu oxy trong nước, tạo mùi hôi thối, mất vẻ mỹ quan, nguy cơ lây bệnh truyền nhiễm từ các loài vi trùng gây bệnh.
- Nước thải sinh hoạt của nhân viên trước khi đầu nối cổng thoát nước chung của khu vực được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại (loại 3 ngăn). Sơ đồ bể tự hoại được thể hiện trong hình sau:



Hình 10. Sơ đồ nguyên lý của bể tự hoại 3 ngăn

Thuyết minh quy trình hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:

+ Bể tự hoại có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1 - 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 , H_2S ,... Cặn trong bể tự hoại được lấy định kỳ, mỗi lần lấy phải để khoảng 20% lượng cặn đã được lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

+ Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn.

+ Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê đơn vị hút chuyên dụng (loại xe hút hầm cầu) định kỳ, đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

+ Công ty hiện tại có 01 bể tự hoại với $V = 16 \text{ m}^3$. Với kích thước bể $V = 3,2 \times 2 \times 2,5 \text{ m} = 16 \text{ m}^3/\text{bể}$. Với kích thước này đảm bảo hiệu quả lý nước nước thải sinh hoạt phát sinh tại Xưởng sản xuất.

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh dụng cụ và khung bản in, lượng nước sử dụng trung bình khoảng 60 lít/ngày tương đương 1.560 lít/tháng, nước sau sử dụng được chứa lại trong các thùng mực in 20 lít và bồn lưu chứa 30 kg.

→ **Biện pháp xử lý:** Xưởng sản xuất Công ty TNHH Phúc Quân ký hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để thu gom và xử lý chất thải này. Hiện Công ty đang ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường xanh Việt Nam (đính kèm hợp đồng ở phụ lục).

Công ty đã đăng ký nước thải phát sinh này vào sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.006337.T cấp lần 1 ngày 03/07/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM cấp.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh ô nhiễm bụi và khí thải tại Xưởng chủ yếu phát sinh các nguồn sau:

- + Bụi, khí thải của phương tiện giao thông, vận chuyển xuất nhập hàng hóa
- + Bụi phát sinh trong hoạt động sản xuất: khu vực cắt, bẻ sản phẩm
- + Khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất: khí thải do hơi dung môi, hơi keo quá trình dán và in ấn và nhiệt thừa
- + Mùi từ khu vực lưu chứa chất thải

2.1. Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông

Phương tiện giao thông ra vào trong Công ty chủ yếu là xe gắn máy của công nhân viên, xe vận tải chở hàng hóa,... Thành phần ô nhiễm từ các loại phương tiện này là bụi, SO₂, NO₂, CO do quá trình đốt cháy nhiên liệu.

Công ty ước tính trung bình 01 ngày có khoảng 2 - 3 xe tải vận chuyển nguyên vật liệu, 34 lượt xe gắn máy với quãng đường vận chuyển khoảng 0,5 km/lượt.

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại TP.HCM” cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2 và 3 bánh là 0,03 lít/km, các loại xe tải chạy xăng là 0,15 lít/km.

Áp dụng với bán kính ảnh hưởng do hoạt động giao thông là 1 km tính từ Công ty, thì lượng nhiên liệu cần cung cấp do các phương tiện tiêu thụ hàng ngày như bảng sau:

Bảng 12. Thông số kỹ thuật nhiên liệu tiêu thụ của phương tiện giao thông

STT	Động cơ	Số lượt xe (tính bằng số xe ra vào x 2 lượt/xe)	Mức tiêu thụ (l/km)	Tổng nhiên liệu (l/ngày)
1	Xe máy	68	0,03	2,04
2	Xe tải	6	0,15	0,9
Tổng cộng				2,94

Hệ số ô nhiễm phát sinh từ các phương tiện giao thông theo “Giáo trình tính tải lượng ô nhiễm từ các nguồn” của Th.S Phan Tuấn Triều được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 13. Hệ số ô nhiễm phát sinh từ các phương tiện giao thông

(Ghi chú: S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (500PPM) và xăng (0,05%)

Phương tiện	Công suất	Hệ số phát thải (kg/ T nhiên liệu)					Nhiên liệu
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC	
Ô tô con	1,4 - 2,0	0,86	20.S	22,02	194,7	27,65	DO
Ô tô tải	>3,5T	3,5	20.S	20	300	30	Xăng
Ô tô tải	<3,5T	3,5	20.S	12	18	2,6	DO
Ô tô tải	3,5 – 16T	4,3	20.S	55	28	12	DO
Ô tô tải	>16T	4,3	20.S	50	20	16	DO
Xe buýt	>16T	4,3	20.S	50	20	16	DO

Phương tiện	Công suất	Hệ số phát thải (kg/ T nhiên liệu)					Nhiên liệu
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC	
Xe máy	Hai kì < 50cc	6,7	20.S	2,8	550	330	Xăng
Xe máy	Hai kì > 50cc	4	20.S	2,7	730	500	Xăng
Xe máy	Bốn kì > 50cc	-	20.S	8	525	80	Xăng

(Nguồn: “Giáo trình tính tải lượng ô nhiễm từ các nguồn” của Th.S Phan Tuấn Triều)

Nhận xét:

Nhìn chung tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển không lớn nên mức độ tác động không đáng kể. Ngoài ra số lượng xe ra vào Công ty không cùng một lúc mà phân bố rải rác, vì vậy lượng khí thải ô nhiễm thực tế do phương tiện giao thông thấp hơn nhiều so với tính toán. Tuy vậy, cần áp dụng các biện pháp quản lý nội vi nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng do ô nhiễm không khí đến chất lượng môi trường tại khu vực hoạt động của Công ty .

❖ Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Thường xuyên phun nước nơi để xe, sân và sân bãi nhất là vào mùa nắng để tránh hạn chế bụi do các phương tiện giao thông gây ra và lượng bụi khuếch tán vào không khí;

Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khuôn viên Công ty để hạn chế bụi bị lôi cuốn từ mặt đất khi xe chạy ra vào.

Các phương tiện vận chuyển tuyệt đối không được nổ máy trong khi chờ giao nguyên nhiên liệu nhằm giảm thiểu việc phát sinh khí thải;

Xe chờ đứng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông, đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, không bóp còi nơi cần yên tĩnh;

2.2. Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và nhiệt thừa

a. Đối với bụi giấy phát sinh từ các công đoạn cắt tấm, bế hộp, nhập nguyên vật liệu,...

Quá trình gia công, sản xuất bao bì hầu như các công đoạn đều phát thải bụi, tuy nhiên điển hình nhất là công đoạn cắt tấm theo quy cách sẽ phát sinh nhiều bụi nhất, còn các công đoạn khác có phát sinh bụi nhưng không đáng kể. Kích thước bụi rất nhỏ khoảng từ 2 – 20mm nên rất dễ phát tán trong không khí.

Dựa trên các hệ số ô nhiễm bụi trong công nghệ sản xuất các sản phẩm bao bì của Tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1993) thì hệ số ô nhiễm bụi của các khâu sản xuất trong công nghệ sản xuất bao bì cụ thể như sau:

Bảng 14. Hệ số ô nhiễm bụi trong công nghệ sản xuất bao bì

STT	Công đoạn	Hệ số ô nhiễm
1	Cắt tấm và bóc xếp giấy	0,0087 kg/tấn giấy
2	Bế hộp, đóng kim	0,0013 kg/tấn giấy

(Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới WHO, 1993)

Kích thước bụi rất nhỏ khoảng từ 2 – 20mm nên rất dễ phát tán trong không khí. Tùy từng công đoạn bụi được sinh ra với nhiều loại kích thước khác nhau. Công đoạn gia công cắt lượng bụi sinh ra phần lớn đây là bụi có kích thước nhỏ, thường từ 2 - 20µm cho nên dễ phân tán trong không khí. Công đoạn bế hộp, do đây là công đoạn gia công hoàn thiện sản phẩm chủ yếu sinh ra các hạt bụi giấy có kích thước lớn có khi tới hàng ngàn µm.

Tải lượng phát sinh:

Dựa trên hệ số ô nhiễm trong công nghệ sản xuất các sản phẩm bao bì của Tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1993) cho thấy lượng bụi phát sinh từ các công đoạn gia công, sản xuất bao bì như cắt tấm, bế hộp, đóng ghim,... chiếm khoảng 0,0013% lượng nguyên liệu đầu vào sản xuất. Với lượng nguyên liệu giấy thành phẩm sử dụng cho hoạt động sản xuất tại Công ty khoảng 120.000 thùng/tháng

$$\text{Tải lượng bụi} = 0,0013\% \times 120.000 \text{ (thùng/tháng)} = 1,56 \text{ kg/tháng}$$

Công ty hoạt động 26 ngày/tháng, ngày làm 01 ca, mỗi ca 8 tiếng. Vậy nên lượng bụi phát sinh tính theo giờ là:

$$1,56 : (26 \times 8) = 0,0075 \text{ (kg/giờ)} = 7,5 \text{ (mg/giờ)}$$

Diện tích khu vực sản xuất tại khu vực sản xuất bao bì carton là 723,8m², chiều cao công nhân làm việc tại công đoạn sản xuất ước tính khoảng 1,65m; giả sử điều kiện vi khí hậu trong khu vực sản xuất ổn định, các chất thải không tự phân hủy, khi đó nồng độ bụi phát sinh như sau:

$$C_{\text{bụi}} = 7,5 \text{ (mg/giờ)} : (723,8\text{m}^2 \times 1,65\text{m}) = 0,006 \text{ (mg/m}^3\text{.giờ)}$$

Nhận xét:

So sánh với QCVN 02:2019/BYT thì giới hạn cho phép của nồng độ bụi vô cơ lơ lửng toàn phần là 8 mg/m^3 . Như vậy, nồng độ bụi phát sinh từ khu vực sản xuất thấp hơn nhiều lần giá trị giới hạn cho phép.

❖ **Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất**

Nhà xưởng được thiết kế cao, thông thoáng, thiết kế xây dựng 2 mái tạo sự thông thoáng xuyên suốt nhà xưởng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống làm mát không khí;

Hệ thống thông gió để đối lưu không khí, tạo môi trường thông thoáng, mát mẻ;

Lắp đặt các quạt gió trong khu vực nhà xưởng. Bố trí khu vực sản xuất phù hợp và rộng rãi nhằm giảm tác động của nhiệt thừa đến công nhân làm việc và môi trường làm việc.



Hình 11. Bố trí nhà xưởng cao ráo, thiết kế 2 mái tạo thông thoáng toàn xưởng



Hình 12. Trang bị quạt khu vực xưởng và trang bị khẩu trang cho người lao động

Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất như găng tay, quần áo bảo hộ lao động, đặc biệt là các dụng cụ bảo vệ đường hô hấp (khẩu trang).

Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ trong Công ty; tiến hành vệ sinh công nghiệp khu vực sản xuất và kho nguyên liệu với tần suất 1 lần/ngày;

Thường xuyên dọn vệ sinh và tưới ẩm với tần suất 2-3 lần/ngày (tùy vào điều kiện thời tiết) khu vực công cộng, tuyến đường nội bộ vào khu vực Công ty và khu vực xung quanh Công ty để giảm lượng bụi phát tán vào không khí, đặc biệt vào những ngày thời tiết khô hanh.

b. Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo và in ấn và nhiệt thừa

Trong quy trình công nghệ sản xuất có sử dụng lượng keo sử dụng trong công đoạn tạo gợn sóng, dán keo và một số loại keo khác và mùi hôi của mực in sẽ phát sinh các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi trong khâu này.

Ngoài ra ảnh hưởng do nhiệt cũng là một trong những yếu tố quan trọng gây ảnh hưởng lớn nhất trong quy trình làm việc. Với tính chất của Xưởng sản xuất thì nhiệt dư phát sinh chủ yếu từ bức xạ mặt trời hấp thụ qua mái, nhiệt thừa và hơi dung môi từ quá trình sấy sản phẩm của các công đoạn: cán UV, bồi (75°C), cán màng (110°C – 120°C), và in kỹ thuật số, in mã vạch (20°C – 60°C). Tuy nhiên, các công đoạn trên là công đoạn phụ trợ, chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của khách hàng nên tần suất phát sinh ít, lưu lượng nhỏ và nồng độ thấp. Ảnh hưởng do nhiệt và hơi dung môi cũng là một trong những yếu tố quan trọng gây ảnh hưởng lớn tới sức khỏe công nhân làm việc tại Công ty.

Tuy nhiên theo một số tài liệu đánh giá nhanh cũng như những nhà máy sản xuất dùng tương tự thì sự bay hơi của các hơi hóa chất này vào môi trường là rất nhỏ và không nhiều. Hiện nay có thể so sánh thì lượng in ấn và dán tại Công ty không lớn với khối lượng in nhỏ và chi tiết in rất nhỏ nên lượng mùi và hơi dung môi phát sinh ra môi trường bên ngoài là không đáng kể chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân sản xuất trực tiếp khu vực này

❖ Đối với chất hữu cơ bay hơi từ quá trình dán keo, in nhãn mác

Hoạt động sản xuất của Công ty có phát sinh mùi, hơi dung môi từ công đoạn dán keo, in và vệ sinh bản in.

Thành phần của mực in bao gồm: Styrene, acrylic solution, methylethanoamine, polypropylene glycol, acrylic copolymer, nước,... Theo tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì hệ số phát thải khí thải – định mức phát thải hơi dung môi (Styren) phát sinh trong quá trình sử dụng mực in là 0,015% về khối lượng (Nguồn: Air emissions inventories and controls, WHO, 1993: trang 3-15).

Khối lượng mực in sử dụng tại Công ty là 100 kg/tháng tương đương khoảng 3,85 kg/ngày.

Lượng VOC phát sinh ra ngoài môi trường khoảng 0,015% lượng nguyên liệu mực in. Tải lượng hơi VOC (Styren) phát sinh ra ngoài môi trường là:

$$0,015\% \times 3,85 \text{ kg/ngày} = 0,00058 \text{ (kg/ngày)} = 0,0000725 \text{ (kg/giờ)}$$

Nồng độ hơi dung môi do hoạt động in và làm sạch bản in tạo ra trong không khí (khu vực nhà xưởng bố trí dây chuyền in) là:

$$\text{Nồng độ (mg/m}^3\text{)} = [\text{tải lượng (kg/giờ)} \times 10^6] / T/V$$

Trong đó:

$S = 769 \text{ m}^2$: Diện tích nhà xưởng chịu tác động

$H = 1,65 \text{ m}$: Chiều cao chịu tác động (chiều cao trung bình của công nhân)

$V = S \times H \text{ (m}^3\text{)}$: V là thể tích bị tác động trên bề mặt Công ty

T : Thời gian làm việc trong 8h/ngày

$$C_{\text{VOC}} \text{ (mg/m}^3\text{)} = [0,0000725 \text{ (kg/giờ)} \times 10^6] / 8/1.268,85 = 0,0071 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Nhận xét:

Lượng hơi VOC phát sinh không lớn (so với Quyết định 3733:2002/BYT thì giới hạn cho phép của Styren là 85 mg/m^3). Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng môi trường và đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp (khu vực nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, thông trần xung quanh nhà xưởng, đảm bảo không khí bên trong nhà xưởng được lọc và làm sạch liên tục) nên mức độ tác động sẽ được giảm thiểu đáng kể.

➤ **Biện pháp giảm thiểu nhiệt thừa và hơi dung môi**

Công ty đã áp dụng một số biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa, hơi dung môi đến mức thấp nhất đối với môi trường và sức khỏe của công nhân như sau:

- Trong phân xưởng sản xuất, Công ty đã trang bị gió công nghiệp đẩy gió và quạt cấp gió vào nhằm thông gió, đảm bảo thông thoáng cho toàn nhà xưởng.
- Tận dụng tối đa các giải pháp thông gió tự nhiên, Công ty thiết kế cao ráo và có độ thông thoáng tự nhiên tốt, đảm bảo phát tán tốt hơi dung môi trong khu vực sản xuất.
- Nhà xưởng đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tối đa các ảnh hưởng của các yếu tố vi khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và tạo điều kiện cho công nhân làm việc tốt hơn. Các biện pháp cụ thể như sau:
 - Xây dựng nhà xưởng đúng theo qui định nhà công nghiệp, sử dụng vật liệu chống nóng, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.
 - Để tránh ảnh hưởng đến công nhân sản xuất trực tiếp, Công ty đã trang bị khẩu trang để các công nhân hoạt động trực tiếp sử dụng nhằm hạn chế ảnh hưởng của hơi dung môi đến với người lao động.

2.3. Mùi hôi từ khu vực tập kết CTR

Tại khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sản xuất trong điều kiện nhiệt độ và ẩm độ thích hợp, hoạt động của các vi sinh vật khi phân hủy kỵ khí các thành phần hữu cơ sẽ phát sinh mùi và tạo thành các chất khí như NH_3 , H_2S , CH_4 ,... Các khí thải chủ yếu là H_2S , CH_4 ,... có mùi hôi thối, gây ô nhiễm tại khu vực nếu như không có các biện pháp quản lý chất thải rắn hợp lý.

➤ **Biện pháp giảm thiểu mùi:**

Công ty đã có những trang bị dụng cụ lưu giữ và quản lý chất thải hợp lý để hạn chế mùi phát sinh ra môi trường.

Ký hợp đồng với đơn vị thu gom thu gom hàng ngày và khi đầy, để tránh tồn đọng quá lâu gây mùi và mất vệ sinh khu vực hoạt động.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn khi phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn theo tính chất (không nguy hại, nguy hại).

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

+ Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu phát từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của công nhân viên.

Công ty không có tổ chức nấu ăn tại Công ty, công nhân viên tự mang theo thức ăn hoặc ăn ở bên ngoài. Vì vậy chất thải rắn sinh hoạt phát sinh không nhiều.

● **Khối lượng chất thải theo thực tế:**

Lượng rác thải phát sinh của Công ty năm 2023 khoảng 216 kg/năm tương đương 18 kg/tháng, như vậy lượng rác trung bình của 34 công nhân viên khoảng 0,7 kg/ngày.

● **Khối lượng chất thải theo tính toán:**

Ước tính khoảng 0,5 kg/người/ngày, như vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt sẽ là: 34 người x 0,5 kg/người = 17 kg/ngày.

+ Thành phần: chủ yếu gồm rác hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ trái cây,...) và rác vô cơ (bao bì, hộp thức ăn, giấy,...)

+ Tác động: Rác thải sinh hoạt có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy nếu không được thu gom xử lý tốt, kịp thời gây tác động xấu cho môi trường không khí, nước và đất. Vì các chất hữu cơ bị phân hủy trong điều kiện tự nhiên tạo ra các hợp chất có mùi

hôi như H_2S , mercaptan,... ảnh hưởng đến toàn khu vực. Các loại chất thải rắn là môi trường thuận lợi cho vi trùng phát triển, nguồn phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (ruồi, chuột, kiến, gián,...). Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt của con người và mỹ quan khu vực.

- Công trình xử lý CTRSH:
- + Khu vực lưu chứa: Công ty bố trí sọt rác kích thước 120 lít bằng nhựa PP.



Hình 13. Nơi lưu chứa chất thải sinh hoạt

- + Đơn vị thu gom: Hàng năm Công ty có ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Thu gom chất thải rắn Ngọc Nga để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định. (Đính kèm văn bản tại phụ lục Báo cáo)
- + Tần suất và thời gian thu gom: Thu gom 01 lần/ngày

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- + Nguồn phát sinh: Chất thải rắn chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất.
- + Lượng rác thải phát sinh hiện tại vào khoảng 4.300 kg/năm. Thành phần rác thải gồm các loại như sau:

Bảng 15. Khối lượng chất thải CNTT của Công ty

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	
			Hiện tại	Tối đa
1	Giấy vụn, giấy hư bỏ không dính mực in	Rắn	4.300	5.400
2	Kẽm đóng thùng hư	Rắn	00	180
3	Bao nylon PE, băng keo nhựa hư thải không dính thành phần nguy hại	Rắn	00	600
Tổng cộng			4.300	6.180

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

+ Tác động: Nếu không được thu gom, xử lý hợp vệ sinh sẽ gây mất mỹ quan khu vực, gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước, lấn chiếm diện tích,...

– Công trình xử lý CTRCNTT:

+ Khu vực lưu chứa: Diện tích kho 24m² toàn bộ chất thải cuối ngày sẽ được thu gom vào khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường của Công ty trước khi giao cho đơn vị thu gom mang đi xử lý.



Hình 14. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp

- + Đơn vị thu gom: Hàng năm Công ty có ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Phạm Thu để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo đúng quy định. *(Đính kèm văn bản tại phụ lục Báo cáo)*
- + Tần suất và thời gian thu gom: Thu gom định kỳ 03 tháng/ lần hoặc khi đầy.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ chất thải nguy sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại khi phát sinh sẽ được lưu giữ kho chứa CTNH.

– Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại của Công ty chủ yếu là: bóng đèn huỳnh quang hỏng, bao bì cứng thải bằng kim loại, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, nước thải có dính thành phần nguy hại,... Danh mục các chất thải nguy hại được trình bày trong bảng sau:

Bảng 16. Khối lượng chất thải nguy hại

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã QLCTNH	Số Lượng (Kg/năm)	
				Hiện tại phát sinh	Lượng phát sinh khi công suất tối đa
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	00	6
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	00	10
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Lỏng	18 02 01	00	120
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Rắn	17 02 04	00	6
5	Mực in thải	Rắn	08 02 01	00	6
6	Nước thải có dính thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	6.000	18.720
Tổng				6.000	18.868

(Nguồn: Công ty TNHH Phúc Quân)

Biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ chất thải nguy sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại khi phát sinh sẽ được lưu giữ kho chứa CTNH.

+ Thu gom, phân loại CTNH: Công ty thực hiện thu gom, sau khi thu gom chất thải được phân loại, sắp xếp và đặt riêng biệt các loại CTNH trong khu lưu trữ CTNH

+ Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại sẽ được chứa vào thùng chứa có phân loại, dán nhãn bố trí tại các nơi phát sinh, có gờ chắn chống thấm, bảo đảm không rò rỉ nước ra ngoài môi trường đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, ký hiệu rõ ràng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Hình 15. Khu vực lưu chứa nước thải rửa bồn in có dính thành phần nguy hại

+ Xử lý: Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hiện nay, công ty đang ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường xanh Việt Nam để thu gom xử lý theo đúng quy định (*đính kèm hợp đồng thu gom*).

+ Tần suất thu gom: 3 tháng lần hoặc khi đầy.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

➤ Tiếng ồn phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị

Nguồn phát sinh

– Tiếng ồn phát sinh do hoạt động máy móc thiết bị, tiếng ồn do hoạt động của quá trình cắt, bế hộp, in, đóng gói.

– Theo thực tế giám sát tiếng ồn tại khu vực sản xuất cho thấy tiếng ồn vào khoảng 56 – 69 dBA. Tiếng ồn tác động thời gian dài, liên tục trong quá trình làm việc cũng gây khó chịu cho công nhân viên và ảnh hưởng tới sức khỏe.

Biện pháp giảm thiểu

Đối với tiếng ồn do hoạt động sản xuất, Công ty đã có các biện pháp như sau:

- + Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- + Trang bị nút bịt tai cho công nhân.
- + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

➤ **Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông**

Nguồn phát sinh

– Công ty hoạt động sản xuất sẽ có một lượng phương tiện giao thông (xe vận chuyển hàng hóa, xe của cán bộ công nhân viên,...) ra vào Công ty. Vì vậy, cường độ tiếng ồn phát sinh sẽ ảnh hưởng đến con người. Mức ồn tối đa cho phép thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 17. Mức độ ồn tối đa cho phép của một số phương tiện giao thông

STT	Loại xe	Mức ồn tối đa cho phép
1	Xe máy đến 125cm ³	95
2	Xe máy trên 125cm ³	99
3	Ô tô con	103
4	Ô tô tải, $G \leq 500\text{kg}$	103

(Nguồn: Tiêu chuẩn TCVN 6436:1998 về âm học – tiếng ồn do phương tiện giao thông đường bộ)

– Mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn của các phương tiện giao thông ít, chỉ mang tính cục bộ do lượng xe ra vào không tập trung vào cùng lúc.

Biện pháp giảm thiểu

- Đối với các phương tiện vận chuyển tuyệt đối không được nổ máy trong khoảng thời gian chờ hàng hóa.
- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, khi phương tiện ra vào Công ty phải hạn chế bóp còi.
- Bố trí việc xuất nhập hàng hóa hợp lý, tránh tình trạng tập trung vào một thời điểm hoặc vào các khung giờ cao điểm.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Đối với bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí của bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố do bể tự hoại, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống thoát nước thải, vệ sinh cống thoát nước thải tránh tình trạng rác, lá cây làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước thải;
- Khi cạn ở bể tự hoại 3 ngăn có hiện tượng đầy, Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng để hút hầm tránh tình trạng đầy ứ, tắc nghẽn nước thải;
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra Công ty để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được lưu trữ trong hồ thu;
- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị hút bùn tổ chức hút bùn từ bể tự hoại với tần suất là 1 năm/lần đảm bảo bể tự hoại hoạt động ổn định. Tùy thuộc vào tình hình phát sinh chất thải mà tần suất hút bùn có thể tăng lên.

b. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì mỗi nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Nhân viên vệ sinh hằng ngày sẽ quét dọn khu vực đường nội bộ tránh để rác gây tắc nghẽn đường thoát nước mưa của dự án.
- Thường xuyên nạo vét các hố ga tránh để cặn lắng nhiều ảnh hưởng tới dòng chảy và khả năng thoát nước.

c. Phòng ngừa ứng phó sự cố rò rỉ nhiên liệu, hóa chất

- Lựa chọn, trang bị các dụng cụ, thiết bị dẫn hóa chất, nhiên liệu; thiết bị chứa hóa chất đảm bảo chất lượng, phù hợp với mục đích sử dụng.
- Kiểm tra các đường ống dẫn hóa chất, tránh bị rỉ sét và nứt do thời tiết. Kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng, kém chất lượng, không phù hợp.
- Khu vực chứa hóa chất, nhiên liệu được để riêng biệt. Thùng chứa, bao bì được kiểm định về chất lượng phù hợp đựng nhiên liệu và hóa chất phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam.

- Thường xuyên kiểm tra nhằm bảo đảm tất cả các nhiên liệu, hóa chất được chứa trong các vật chứa thích hợp.
- Quán triệt cho cán bộ, nhân viên làm việc tại Công ty có liên quan đến hóa chất, nhiên liệu tính cẩn thận, tinh thần trách nhiệm cao.

d. Phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tại Công ty;
- Ban hành nội quy PCCC, trang bị một số bình CO₂ phòng khi có trường hợp có sự cố xảy ra;



Hình 16. Thiết bị PCCC của Công ty

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện trong Công ty;
- Đảm bảo các trang thiết bị, máy móc không để rò rỉ điện;
- Công ty có trang thiết bị phòng chống cháy nhằm cứu chữa kịp thời khi sự cố xảy ra;
- Để đảm bảo kịp thời ứng phó với sự cố cháy nổ, Công ty đã bố trí các họng lấy nước chữa cháy và cung cấp nước thích hợp;
- Tập huấn công nhân viên đối phó với các tình huống xảy ra sự cố xảy ra;
- Khi có sự cố xảy ra:
 - + Hướng dẫn mọi người di tản ra khỏi nơi xảy ra sự cố.
 - + Ở khu vực có khói, để tránh bị ngạt cần dùng khăn ẩm, khăn giấy ướt bịt vào mũi, miệng khi di chuyển.
 - + Sử dụng băng ca để di chuyển những người bị thương ra khỏi khu vực có sự cố và thực hiện các biện pháp sơ cấp cứu khi cần thiết.

e. An toàn lao động

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của Xưởng sản xuất. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, ngoài các phương pháp khống chế ô nhiễm để giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe của người công nhân, Công ty còn áp dụng thêm những biện pháp sau:

- Xây dựng nội quy an toàn lao động cho Công ty (an toàn PCCC, an toàn sử dụng lửa, an toàn sử dụng xe nâng, an toàn hóa chất, an toàn sử dụng điện, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường,...). Nội dung an toàn lao động sẽ lưu ý đến các thiết bị, thao tác có thể gây nguy hiểm cho người lao động.

- Lập kế hoạch huấn luyện an toàn lao động định kỳ cho nhân viên đảm bảo toàn bộ nhân viên phải được học an toàn lao động theo quy định của pháp luật

- Đối với các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, xe nâng được kiểm tra bảo trì và định kỳ kiểm định nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao khi vận hành. Đặc biệt các phương tiện vận tải lưu thông trên đường phải tuân thủ luật giao thông và người điều khiển phương tiện phải được qua đào tạo và có chứng chỉ, bằng cấp sử dụng, vận hành phương tiện.

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân viên.

- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động: găng tay, nút tai chống ồn, kính, khẩu trang,... Ở những khu vực cần thiết, cần trang bị thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng, tốc độ gió và tiếng ồn cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Thành lập phòng y tế để xử lý sơ cứu tại chỗ, trường hợp tai nạn lao động.

- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được trang bị và cập nhật như tủ thuốc, số điện thoại cấp cứu, cứu hỏa v.v...

Công ty thực hiện đo đạc các thông số môi trường theo đúng chương trình giám sát môi trường được duyệt để xác định những vị trí có chất lượng môi trường không đạt chuẩn, trên cơ sở đó có biện pháp cải thiện hợp lý nhằm đảm bảo chất lượng môi trường lao động đạt chuẩn yêu cầu.

f. Biện pháp đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường xung quanh

Nhằm đảm bảo an ninh khu vực dự án, các biện pháp áp dụng như sau:

- Hướng dẫn mọi người tuân theo nội quy đề ra trong giai đoạn hoạt động;

- Tuyên truyền, vận động để nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân trong phòng, chống các loại tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- Lắp đặt các biển cảnh báo để người dân cảnh giác với những trò lừa đảo, lưu manh ở nơi tập trung đông người: Cổng công ty, khu vực sản xuất, ...

- Xây dựng quy chế quy định việc ra, vào xưởng sản xuất, biện pháp an toàn trong quá trình hoạt động, niêm yết ở khu vực cổng và khu vực sản xuất.
- Có bảo vệ bảo vệ xưởng sản xuất, lựa chọn những nhân viên có năng lực và tinh thần trách nhiệm.

g. Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh sẽ được thu gom tập trung vào đúng nơi quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom định kỳ;
- Không để xuất hiện rác vụn vãi, rác bịch, rác đồng ở khu vực vỉa hè, lòng đường, miệng cống, gốc cây, cột điện trước mặt tiền phòng khám;
- Phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương thực hiện các đợt tổng vệ sinh, Chủ nhật xanh do địa phương phát động.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Không có

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu trong quá trình sinh hoạt của công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu trong quá trình rửa khung bản in, vệ sinh dụng cụ in ấn.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải bao gồm: pH*(31,4°C), TSS**, COD**, BOD₅, Tổng N**, Tổng P**, NH₄⁺ (tính theo N)**, Tổng Coliforms*.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu trong quá trình sinh hoạt của công nhân viên, rửa đường, sàn. Lưu lượng xả thải lớn nhất vào khoảng 1,85 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu trong quá trình rửa khung bản in, vệ sinh dụng cụ in ấn. Lưu lượng xả thải lớn nhất vào khoảng 0,06 m³/ngày.

Tổng lưu lượng xả thải: 1,91 m³/ngày tương đương 41,66 m³/tháng.

1.3. Dòng nước thải

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của Xưởng được xử lý qua hầm tự hoại sau đó kết nối vào đường ống thoát nước thải chính của Xưởng và đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực nằm trên đường Thanh Xuân 21, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM. Số lượng dòng thải: 01 dòng thải.

Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa thiết bị, khung bản in do Công ty áp dụng việc sử dụng giẻ lau lau mực dư và nước chỉ dùng để dùng ngâm làm sạch khâu cuối, nên lượng phát sinh tương đối ít, Công ty chọn phương án thu gom trong thùng chứa và định kỳ chuyển giao theo hợp đồng thu gom chất thải nguy hại. Vì vậy nguồn số 2 không phát thải ra môi trường.

Vì vậy chỉ có 01 dòng thải sau bể tự hoại thải ra và đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

Số lượng dòng nước thải: 01 dòng nước thải

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải phát sinh tại Công ty chủ yếu là nước thải sinh hoạt, vệ sinh nhà xưởng nên thành phần các chất ô nhiễm và giới hạn ô nhiễm trong nước thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 18. Thành phần ô nhiễm và giới hạn ô nhiễm của nước thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Tần suất quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	150		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Tổng nitơ	mg/l	40		
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6		
8	Coliform	MNP/100ml	5.000		

Ghi chú: (*) QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

Vị trí xả thải: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B. Nước thải sau xử lý sẽ theo cống BTCT Ø400 mm thoát nước thải sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại hố ga cuối cùng đầu vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường Thạnh Xuân 21, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

Vị trí điểm xả nước thải: tại số 67A2 Đường TX21 Khu phố 5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM vào hố ga có toạ độ (VN2000): X: 600678; Y: 1201731.

Lưu lượng nước thải tối đa: 1,85 m³/ngày.đêm

Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ sẽ được tự chảy ra hố ga đầu nối với cống thoát nước chung của khu vực trên đường Thạnh Xuân 21.

Chế độ xả nước thải: Liên tục theo thời gian hoạt động của Công ty.

Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố trên tuyến đường Thạnh Xuân 21, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Công ty không phát sinh khí thải phải có công trình xử lý nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. .

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:
 - + Nguồn số 1: Tại khu vực máy cắt
 - + Nguồn số 2: Tại khu vực máy bẻ
 - + Nguồn số 3: Tại khu vực máy đóng kim
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:
 - + Tiếng ồn trong khu vực làm việc phải $\leq 85\text{dB}$, đạt QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + Độ rung khu vực máy phát điện phải nằm trong giới hạn $\leq 70\text{dB}$ (từ 6 – 21 giờ); $\leq 60\text{dB}$ (từ 21 – 6 giờ) - QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về độ rung.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

Các chất thải phát sinh đều được ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng.

• Nguồn phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của công nhân viên thành phần chủ yếu gồm rác hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ trái cây,...) và rác vô cơ (bao bì, hộp thức ăn, giấy,...)
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất gồm: giấy vụn, giấy in bỏ không dính mực, bao nylon PE, kẽm đóng thùng hư,...
- Chất thải nguy hại phát sinh từ văn phòng và khu vực sản xuất gồm: bóng đèn huỳnh quang hỏng, bao bì cứng thải bằng kim loại, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, nước thải có dính thành phần nguy hại,...

• Khối lượng đề nghị cấp phép

- Chất thải sinh hoạt: khoảng 17 kg/ngày tương đương 442 kg/tháng và 5.304 kg/năm.
- Chất thải công nghiệp thông thường: khoảng 515 kg/tháng và 6.180 kg/năm, cụ thể như sau:

Bảng 19. Thành phần và khối lượng chất thải rắn thông thường

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)		
			Ngày	Tháng	Năm
1	Giấy vụn, giấy hư bỏ không dính mực in	Rắn	17,3	450	5.400
2	Kẽm đóng thùng hư	Rắn	0,6	15	180
3	Bao nylon PE, băng keo nhựa hư thải không dính thành phần nguy hại	Rắn	1,9	50	600
Tổng cộng			19,8	515	6.180

– Chất thải nguy hại: khoảng 10.148 kg/năm, cụ thể như sau:

Bảng 20. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã QLCTNH	Số Lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	10
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Lỏng	18 02 01	120
4	Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn thải khác	Rắn	17 02 04	6
5	Mực in thải	Rắn	08 02 01	6
6	Nước thải có dính thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	18.720
Tổng				18.868

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Thời gian quan trắc: 25/05/2023, 11/11/2023
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/ lần
- Vị trí các điểm quan trắc: Nước thải tại hồ gas
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động; Số Vimcerts: 026

Bảng 21. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Kiểu/loại quan trắc	Thời gian quan trắc (nn/tt/nn)	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
					Kinh độ	Vĩ độ	
I	Thông số quan trắc: pH*(31,4°C), TSS**, COD, BOD ₅ (20°C), Tổng N**, Tổng P**, NH ₄ ⁺ (tính theo N)**, Tổng Coliforms*						
1	Nước thải tại hồ gas	NT	Quan trắc mt chất thải	25/05/2023 11/11/2023	1201731	600678	Tại hồ gas cuối cùng sau xử lý

Bảng 22. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Tọa độ vị trí lấy mẫu		Kết quả quan trắc				Giá trị QCVN
			X	Y					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				(7)
1	Nước thải tại hố gas	25/05/2023	600678	1201731	TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
					1	pH* (31,4°C)	-	6,64	5,5 - 9
					2	TSS**	mg/l	32	100
					3	COD	mg/l	90	150
					4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	38	50
					5	Tổng N**	mg/l	10,2	40
					6	Tổng P**	mg/l	0,99	6
					7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/l	2,67	10
					8	Tổng Coliforms*	MPN/100 ml	3.800	5.000

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Tọa độ vị trí lấy mẫu		Kết quả quan trắc				Giá trị QCVN
			X	Y					
2	Nước thải tại hố gas	11/11/2023	600678	1201731	TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
					1	pH [*] (31,4°C)	-	6,89	5,5 - 9
					2	TSS ^{**}	mg/l	42	100
					3	COD	mg/l	81	150
					4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	35	50
					5	Tổng N ^{**}	mg/l	13,3	40
					6	Tổng P ^{**}	mg/l	0,77	6
					7	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^{**}	mg/l	1,82	10
					8	Tổng Coliforms [*]	MPN/100 ml	3.100	5.000

Nhận xét: Kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải

Công trình xử lý khí thải: Công ty không có hệ thống xử lý khí thải.

– Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động sản xuất khí thải phát sinh ở trong môi trường không khí do các nguồn sau:

+ Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, máy móc sản xuất: Bụi, khí thải (SO_2 , CO , NO_x ,...).

+ Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các hoạt động như sau: Hoạt động của máy móc thiết bị; Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Công ty .

+ Độ rung: do hoạt động máy móc thiết bị.

Công ty có tiến hành quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí xung quanh và khu vực sản xuất. Kết quả quan trắc như sau:

Kết quả quan trắc định kỳ đối với không khí xung quanh

- Thời gian quan trắc: 25/05/2023, 11/11/2023
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/ lần
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động; Số Vmcerts: 026

Bảng 23. Thống kê vị trí điểm quan trắc không khí

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Kiểu/loại quan trắc	Thời gian quan trắc (nn/tt/nn)	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
					Kinh độ	Vĩ độ	
I	Thành phần môi trường không khí khu vực xung quanh và sản xuất						
1	Khu vực cổng	KT01	Quan trắc mt chất thải	25/05/2023	1201768	600642	Cổng
				11/11/2023			
2	Khu vực sản xuất	KT02	Quan trắc mt chất thải	25/05/2023	1201759	600627	Giữa xưởng
				11/11/2023			

- Thông số quan trắc

Bảng 24. Kết quả đo tiếng ồn, vi khí hậu khu vực làm việc năm 2023

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Nhóm thông số vi khí hậu				Thông số khác
			Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió	Ánh sáng	Độ ồn
			(⁰ C)	(%)	(m/s)	(lux)	(dB)
1	KK01	1	--	--	--	--	63
2		2	--	--	--	--	64
QCVN 26:2010/BTNMT			--	--	--	--	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55
3	KK02	1	31,6	58	0,4	315	--
4		2	30,5	77,3	0,3	528	--
QCVN 26:2016/BYT			18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	--	--
QCVN 22:2016/BYT			-	-	-	≥ 300	-
QCVN 24:2016/BYT			-	-	-	-	≤ 85

[Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn VSLĐ - COSHET]

Bảng 25. Kết quả đo bụi và khí thải khu vực làm việc năm 2023

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Nhóm thông số vô cơ				Nhóm thông số hữu cơ
			Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	THC
			mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	1	0,15	2,31	0,040	0,015	--
2		2	0,13	2,03	0,052	0,023	--
QCVN 05:2013/BTNMT			0,3	0,35	0,2	30	--
QCVN 06:2009/BTNMT			--	--	--	--	5

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Nhóm thông số vô cơ				Nhóm thông số hữu cơ
			Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	THC
			mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
3	KK02	1	0,85	3,35	0,068	0,019	7,01
4		2	0,44	2,89	0,084	0,025	5,5
QCVN 02:2019/BYT			4,6875	--	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT			--	3,90625	3,90625	15,625	234,375

[Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn VSLD - COSHET]

Ghi chú:

- KK01: Mẫu không khí khu vực cổng
- KK02: Mẫu không khí khu vực sản xuất
- QCVN 03:2019/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc của các yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn Việt Nam quy định về chất lượng môi trường không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn Việt Nam quy định về chất lượng tiếng ồn trong môi trường xung quanh.
- QCVN 02:2019/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/TT-BYT Quy định quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép Tiếng ồn nơi làm việc.
- QCVN 22:2016/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép ánh sáng tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Giá trị giới hạn cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Nhận xét:

Qua kết quả đo đạc và phân tích chất lượng không khí cho thấy:

Đối với các mẫu không khí trong khuôn viên Công ty có các chỉ tiêu như: Bụi, SO₂, NO₂ và CO đều đạt quy chuẩn QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

Tiếng ồn tại các khu vực Công ty sản xuất đạt quy chuẩn QCVN 24:2016/TT-BYT.

Vi khí hậu và ánh sáng tại các khu vực sản xuất đạt quy chuẩn QCVN 22:2016/TT-BYT và QCVN 26:2016/TT-BYT.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

– Theo như trình bày tại chương III của báo cáo, công trình xử lý chất thải của Công ty có phát sinh nước thải như sau:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh và được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại 3 ngăn và sau đó đầu nối với cống thoát nước chung của khu vực trên đường Thạnh Xuân 21.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ khâu vệ sinh vật dụng gồm: dụng cụ pha màu mực, khung bản in,... để giảm lượng nước thải trong quá trình sản xuất. Công ty đã sử dụng dung dịch axeton thấm vào giẻ lau và lau qua dụng cụ và khung bản in để lấy đi phần mực dư thừa còn lại. Vì vậy chỉ sử dụng nước để ngâm và vệ sinh qua khung bản, lượng nước phát sinh tương đối ít. Công ty lưu chứa trong thùng chứa và chuyển giao theo chất thải nguy hại để xử lý và không phát thải ra môi trường xung quanh.

– Vì vậy Công ty chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và được xử lý bằng bể tự hoại. Căn cứ theo điểm d, khoản 1, điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Đối với công trình bể tự hoại không cần vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc môi trường chất thải

2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a/Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: Tại hố ga cuối cùng đầu nối vào cống thoát nước của khu vực
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, NH₄⁺ (tính theo N), Tổng Coliforms.
- Số lượng: 01 mẫu
- Tần suất giám sát: 06 tháng /lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

b/Giám sát chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nguy hại)

- Nội dung giám sát: Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư sẽ giám sát cả về số lượng, chủng loại và thành phần.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

– Nhật ký quản lý chất thải rắn của chủ đầu tư sẽ được lưu giữ, định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý môi trường.

c/Chương trình giám sát sức khỏe người lao động

Công ty sẽ tổ chức khám sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn bộ người lao động trong công ty 1 lần và quan trắc môi trường lao động 1 năm/1 lần. Dự trù kinh phí thực hiện khoảng 40.000.000 đồng/năm.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục, chất thải được quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Công ty

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục, chất thải được quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 26. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

STT	Nội dung	Số tiền (đồng/năm)
1	Nước thải	5.000.000
2	Chi phí lập báo cáo công tác BVMT	5.000.000
	Tổng cộng	10.000.000

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TY

Trong 02 năm vừa qua Công ty không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến môi trường. Công ty luôn đảm bảo công tác xử lý nước thải đúng quy chuẩn và thu gom chất thải đúng nơi quy định, tuân thủ chấp hành các quy định về môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CÔNG TY

Chủ Công ty cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Ngoài ra, Chủ Công ty cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty :

- + Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường;
- + Thực hiện đúng các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của dự án.
- + Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày trong Báo cáo. Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động của dự án, bao gồm:
 - + Quản lý các công trình xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn theo đúng phương án đã đề ra.
 - + Các nguồn thải sẽ được kiểm soát chặt chẽ và nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hoặc hiện hành theo quy định của Nhà nước:
 - Môi trường không khí xung quanh: Các chất ô nhiễm trong khí thải của Xưởng sản xuất khi phát tán ra môi trường bảo đảm đạt Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh (QCVN 05:2009/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT).
 - Đảm bảo chất lượng không khí trong Xưởng đạt tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.
 - Độ ồn : Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của Xưởng sẽ đạt Tiêu chuẩn Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 26:2010/BTNMT).
 - Nước thải đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
 - CTR phát sinh tại dự án được thu gom và xử lý đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Chất thải thông thường chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Riêng CTNH sẽ được thu gom, lưu trữ và xử lý đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Mục 4 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.
 - Tuân thủ các nguyên tắc vệ sinh an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

– Tuân thủ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ 06 tháng/ lần (Vào tháng 6 và tháng 12) và gửi về Phòng TNMT Quận 12.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai hoạt động của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành thực hiện phương án bảo vệ môi trường đúng nội dung của Giấy phép môi trường đã được phê duyệt trong suốt quá trình hoạt động Công ty.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN GỒM

- Giấy phép kinh doanh
- Hợp đồng thuê đất
- Quyền sử dụng đất
- Sổ chủ nguồn thải

2. BẢNG VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ, CẤP THOÁT NƯỚC THẢI, NƯỚC MƯA.

3. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU

4. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG 2022

5. HÓA ĐƠN SỬ DỤNG NƯỚC, ĐIỆN

6. HỢP ĐỒNG THU GOM CTR - CHỨNG TỪ THU GOM CHẤT THẢI NGUY HẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 12 năm 2019

1. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

67A2 ĐƯỜNG TX21, KHU PHỐ 5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0914182498

Fax:

Email:

Website: tranmyly1977@yahoo.com

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TRẦN THỊ ANH KHANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 18/10/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024204951

Ngày cấp: 25/10/2014

Nơi cấp: CA TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 21 ĐẶNG VĂN NGŨ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 21 ĐẶNG VĂN NGŨ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số doanh nghiệp: 0305049930

Địa chỉ trụ sở chính: 67/1 Đường TX21 Khu phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG ĐỨC HIẾU
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Ngày 05-05-2023

Số chứng thực 010321

CÔNG CHỨNG VIÊN

TRƯỜNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng



Cà Thành Đức



Minh Hoài

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Số 758/TX (04.11.05)	Điều chỉnh địa chỉ thửa đất trên trang 2 (mục II) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng là: 67A2 đường TX21 – khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12.	UỶ BAN CHỦ TỊCH UBND QUẬN 12 VĂN PHÒNG TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG NGUYỄN VĂN PHÚC
Số 4784/TC-BL (14.04.2009)	Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho Hợp Tác Xã Vận Tải-Du Lịch Mỹ Tường với Ngân hàng TMCP Á Châu-Phòng giao dịch Thống Nhất theo Hợp đồng số 1209 ngày 13.4.2009.	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Nguyễn Đức Hiệp GIÁM ĐỐC
02-12-2024	Đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN, địa chỉ: 67/1 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng số 0000173 ngày 04/01/2024 do Văn phòng Công chứng Nhà Rộng chứng nhận). Theo hồ sơ số 018154.CT.001.	CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẬN 12 Phạm Văn Tường

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AD 466405

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông: **Đinh Hoàng Mỹ**

Sinh năm : 1961 Số CMTND : 022461788

Địa chỉ thường trú: 144/1 Khu phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12

Bà: **Phạm Thị Nhân**

Sinh năm : 1962 Số CMTND : 021478532

Địa chỉ thường trú: 144/1 Khu phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: **403** 2. Tờ bản đồ: **51** (Theo tài liệu năm 2005)

3. Địa chỉ thửa đất: **76A2 đường TX21, Khu Phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12**

4. Diện tích: **739,2 m2**

Bằng chữ: **Bảy trăm ba mươi chín phẩy hai mét vuông.**

5. Hình thức sử dụng:

+Sử dụng riêng: **739,2 m2**

+Sử dụng chung: **không m2**

6. Mục đích sử dụng đất: **Đất cơ sở sản xuất kinh doanh**

7. Thời hạn sử dụng đất: **Lâu dài**

8. Nguồn gốc sử dụng đất: **Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. * Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất.**

III- Tài sản gắn liền với đất

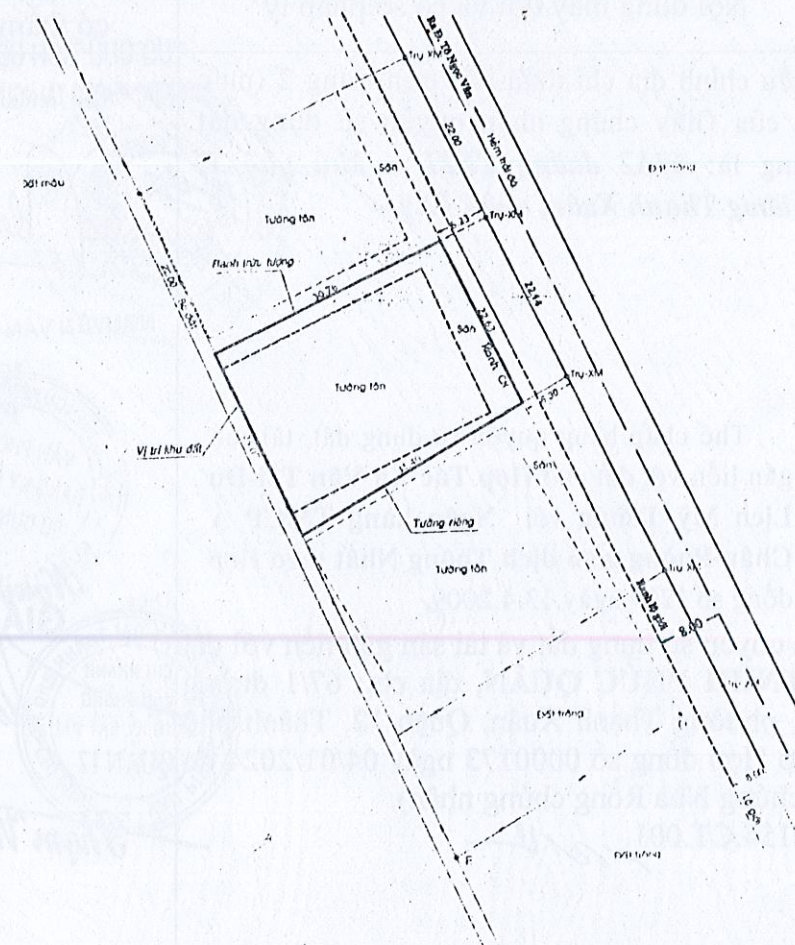
Nhà tường gạch, mái tôn, 01 tầng ; diện tích xây dựng 540,0 m2 (Căn cứ theo giấy phép xây dựng số 925/GP-UB ngày 09.08.2004 và biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 470/BĐHC ngày 29.11.2004 của UBND. Quận 12).

IV- Ghi chú

- Nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng tặng cho nhà kho được Phòng công chứng số 5 chứng nhận số: 01185/HĐ-TCN ngày 03.02.2005.
- Một phần thửa 31 cũ, tờ bản đồ số 51 theo tài liệu năm 2005;
- [Ghi chú: Một phần thửa 1008 cũ, tờ bản đồ 13 theo tài liệu 02/CT-UB].
- Diện tích đất theo hợp đồng công chứng là 741,49 m2; diện tích đất thực tế là 739,2 m2

V- Sơ đồ thửa đất

Chi tiết xem BĐHTVT đăng ký tại phòng TN&MT số 1034/TNMT ngày 14.09.2005.



Phần diện tích được công nhận quyền sử dụng.

Ngày **27** tháng **10** năm 2005
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

*CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: **00815/03**
Ngày: **01-03-2021**



Nguyễn Văn Cửa

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: **...H00.606/12...**

Nguyễn Ngọc Sơn

CBTL: Nguyễn Đức Trí
VPĐKQSDĐ: **ML**

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 403

Tờ bản đồ số: 51

Số phát hành GCN: AD 466405

Số vào sổ cấp GCN: H00606/13

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đã xóa đăng ký thế chấp theo hồ sơ số 26764.011332.XC.VP Diệp	05-07-2013 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Phạm Văn Cường</i>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Trang bổ sung số: 01



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

(Toàn bộ căn nhà tọa lạc tại số: 67A2 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa đất số: 403, tờ bản đồ số: 51 (theo tài liệu năm 2005))

Chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ: (Gọi tắt là bên A)

Ông : **ĐINH HOÀNG MỸ**

Năm sinh : 1961

Căn cước công dân số : 079 061 018 201 (CMND cũ số: 022461788)

Thường trú tại : 144/1, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Và vợ là bà : **PHẠM THỊ NHÂN**

Năm sinh : 1962

Căn cước công dân số : 079 162 012 417 (CMND cũ số: 021478532)

Thường trú tại : 144/1, QL1A, khu phố 6, phường Thạnh Xuân, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

(Theo giấy kết hôn đính kèm)

Là chủ sở hữu căn nhà số: 67A2 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa đất số: 403, tờ bản đồ số: 51 (theo tài liệu năm 2005), căn cứ theo các chứng từ sở hữu được cơ quan thẩm quyền cấp, gồm có:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: **AD 466405** và Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: **H00606/13** do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2005. Đăng ký thay đổi ngày: 04/11/2005.

BÊN THUÊ: (Gọi tắt là bên B)

CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ trụ sở : 67/1 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp : 0305049930

Người đại diện : **TRẦN THỊ ANH KHANH**

Năm sinh : 1970

Căn cước công dân số : 079 170 038 911

Chức vụ : Giám đốc

Bằng hợp đồng này, **bên A** đồng ý cho **bên B** thuê toàn bộ căn nhà nêu trên với những thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1

ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Đối tượng của hợp đồng này là **toàn bộ căn nhà số: 67A2 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa đất số: 403, tờ bản đồ số: 51 (theo tài liệu năm 2005).**
2. Diện tích thuê: toàn bộ căn nhà.
3. Mục đích thuê: Để kinh doanh sản xuất bao bì.

ĐIỀU 2

GIÁ THUÊ NHÀ

1. Giá thuê nhà (chưa bao gồm thuế) là:

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NHÀ RỘNG - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở: 79 Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 37177846 - Fax: (08) 37177847

Email: congchungnharong@yahoo.com.vn

Website: www.congchungnharong.vn - www.vanphongcongchungnharong.com

- Từ ngày 04/01/2024 đến ngày 30/06/2024 giá thuê nhà là: 66.000.000 đồng/tháng (Sáu mươi sáu triệu đồng trên một tháng).
- Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2025 giá thuê nhà là: 72.600.000 đồng/tháng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng trên một tháng).
- Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2027 giá thuê nhà là: 79.860.000 đồng/tháng (Bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng trên một tháng).
- Từ ngày 01/01/2028 đến ngày 31/12/2029 giá thuê nhà là: 87.846.000 đồng/tháng (tám mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng trên một tháng).
- Từ ngày 01/01/2030 đến ngày 31/12/2031 giá thuê nhà là: 96.630.000 đồng/tháng (Chín mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng trên một tháng).
- Từ ngày 01/01/2032 đến ngày 31/12/2033 giá thuê nhà là: 106.293.000 đồng/tháng (một trăm linh sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng trên một tháng).

2. Phương thức thanh toán: Bên B trả tiền thuê nhà cho Bên A bằng đồng Việt Nam bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 119534139 mang tên ông/bà **Đinh Hoàng Mỹ** do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu phát hành, theo định kỳ mỗi tháng một lần vào các ngày 01 (một) đến ngày 05 (năm) của mỗi tháng.

3. Bên B đặt cọc cho bên A số tiền: **140.000.000** đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Số tiền đặt cọc sẽ được Bên A trả lại cho Bên B sau khi thanh lý hợp đồng này.

- Việc giao và nhận số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật

ĐIỀU 3

THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn cho thuê nhà là: Kể từ ngày công chứng hợp đồng này đến ngày 31/12/2033.

ĐIỀU 4

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN CHO THUÊ

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao nhà cho bên B theo đúng hợp đồng.
- Bảo đảm cho người thuê sử dụng ổn định nhà trong thời hạn thuê;
- Bảo dưỡng, sửa chữa nhà theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận; nếu bên A không bảo dưỡng, sửa chữa nhà mà gây thiệt hại cho bên B, thì phải bồi thường.

- Tạo điều kiện cho bên B sử dụng thuận tiện diện tích thuê;

- Nộp các khoản thuế về nhà và đất (nếu có).

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Nhận đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận;

- Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà và thu hồi nhà ở đang cho thuê khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

. Bên thuê không trả tiền thuê nhà ở theo thỏa thuận từ 02 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;

. Bên thuê sử dụng nhà ở không đúng mục đích như đã thỏa thuận trong hợp đồng;

. Bên thuê tự ý đục phá, coi nói, cải tạo, phá dỡ nhà ở đang thuê;

. Bên thuê chuyển đổi, cho mượn, cho thuê lại nhà ở đang thuê mà không có sự đồng ý của bên cho thuê;

. Bên thuê làm mất trật tự, vệ sinh môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt của những người xung quanh đã được bên cho thuê nhà ở hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, lập biên bản đến lần thứ ba mà vẫn không khắc phục;

. Trường hợp chưa hết hạn hợp đồng thuê nhà ở mà bên cho thuê thực hiện cải tạo nhà ở và được bên thuê đồng ý thì bên cho thuê được quyền điều chỉnh giá thuê nhà ở. Giá thuê nhà ở mới do các bên thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận được thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà ở và phải bồi thường cho bên thuê theo quy định của pháp luật.

- Cải tạo, nâng cấp nhà cho thuê khi được bên B đồng ý, nhưng không được gây phiền hà cho bên B sử dụng chỗ ở;
- Được lấy lại nhà cho thuê khi hết hạn hợp đồng thuê.

ĐIỀU 5

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN THUÊ

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - Sử dụng nhà đúng mục đích đã thỏa thuận;
 - Trả đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn đã thỏa thuận;
 - Giữ gìn nhà, sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;
 - Tôn trọng quy tắc sinh hoạt công cộng;
 - Trả tiền điện, nước, điện thoại, Internet, vệ sinh và các chi phí phát sinh khác trong thời gian thuê nhà;
 - Trả nhà cho Bên A theo đúng thỏa thuận.
2. Bên B có các quyền sau đây:
 - Nhận nhà thuê theo đúng thỏa thuận;
 - Được đổi nhà đang thuê với bên thuê khác, nếu được Bên A đồng ý bằng văn bản;
 - Được cho thuê lại nhà đang thuê;
 - Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với Bên A, trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu nhà;
 - Được ưu tiên ký hợp đồng thuê tiếp, nếu đã hết hạn thuê mà nhà vẫn dùng để cho thuê;
 - Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà ở khi bên cho thuê nhà ở có một trong các hành vi sau đây:
 - . Không sửa chữa nhà ở khi có hư hỏng nặng;
 - . Tăng giá thuê nhà ở bất hợp lý hoặc tăng giá thuê mà không thông báo cho bên thuê nhà ở biết trước theo thỏa thuận;
 - . Khi quyền sử dụng nhà ở bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.
 - Được thay đổi cấu trúc ngôi nhà nếu được Bên A đồng ý bằng văn bản.

ĐIỀU 6

TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải, nếu hòa giải không thành thì một trong hai bên khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7

CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ hợp đồng này phải lập thành văn bản và phải được công chứng mới có giá trị để thực hiện.

ĐIỀU 8

CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam kết sau đây:

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin về nhân thân đã ghi trong hợp đồng này.
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với bên B đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).
3. Bên A cam kết tài sản giao dịch không bị tranh chấp, không kê biên để đảm bảo thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà ở phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác; nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không có lỗi của bên A thì Bên B chịu mất toàn bộ số tiền đã đặt cọc cho bên A. Nếu bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không có lỗi của bên B thì bên A phải trả lại cho bên B số tiền mà bên B đã đặt cọc cho bên A là **140.000.000** đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và phải bồi thường cho bên B số tiền bằng số tiền bên B đã đặt cọc cho bên A là **140.000.000** đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

6. Mọi chi phí, thuế phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê sẽ do Bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

ĐIỀU 9

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng này, sau khi đã được nghe lời giải thích của người có thẩm quyền công chứng dưới đây.

2. Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản chính và 01 (một) bản chính lưu tại Văn phòng Công chứng Nhà Rộng.

BÊN A

BÊN B

Tôi đã đọc và đồng ý

Tôi đã đọc và đồng ý



Anh Hong My

Tôi đã đọc và đồng ý



Phan Tai Khanh

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2024 (ngày bốn tháng một năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn)

Tại Văn phòng Công chứng Nhà Ròng, địa chỉ: Số 79 Lê Thị Riêng, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng thuê nhà được giao kết giữa:

(Bên A):

Ông : **ĐINH HOÀNG MỸ**
Năm sinh : 1961
Căn cước công dân số : 079 061 018 201 (CMND cũ số: 022461788)
Thường trú tại : 144/1, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Tp.Hồ Chí Minh.
Và vợ là bà : **PHẠM THỊ NHÂN**
Năm sinh : 1962
Căn cước công dân số : 079 162 012 417 (CMND cũ số: 021478532)
Thường trú tại : 144/1, QL1A, khu phố 6, phường Thạnh Xuân, quận 12, Tp.Hồ Chí Minh.

(Bên B):

CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ trụ sở : 67/1 đường TX21, khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số doanh nghiệp : 0305049930
Người đại diện : **TRẦN THỊ ANH KHANH**
Năm sinh : 1970
Căn cước công dân số : 079 170 038 911
Chức vụ : Giám đốc

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang của hợp đồng này trước mặt tôi; chữ ký trong hợp đồng đúng là chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên nêu trên;

- Văn bản công chứng này được lập thành 03 (ba) bản chính, mỗi bản chính gồm 05 tờ, 05 trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 02 (hai) bản chính; 01 (một) bản chính lưu tại Văn Phòng công chứng Nhà Ròng, Tp.Hồ Chí Minh.

Số quyền số /2024 TP/CC-SCC/HĐGD

Số công chứng ngày 16-01-2024



Lý Thái Hà

Nguyễn Ngọc Sơn

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2020

SỞ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH 79. **006337** .T
(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: **CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: 67/1 Đường TX21, Khu phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02837164541 Fax: 02837160528 Email: phucquan@phucquan.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305049930

Ngày cấp: 21/10/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Công ty TNHH Phúc Quân;

- Lưu VT; P.QLCTR (2b).

Dự thảo: Lý.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG ĐỨC HIẾU
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Ngày **05-05-2023**
010318

Số chứng thực: **SC/PS**
CÔNG CHỨNG VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



[Chữ ký]
Nguyễn Thị Thanh Mỹ



[Chữ ký]
Trịnh Minh Hoài



PHỤ LỤC

Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 79.006337.T do Sở
Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 1, ngày 03 tháng 7 năm 2020)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: **XUÔNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN**

Địa chỉ cơ sở: 67A2 Đường TX21, Khu phố 5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố
Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02837164541 Fax: 02837160528 Email: phucquan@phucquan.com.vn

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2	18 02 01
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1	17 02 03
3	Hộp mực in thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,5	08 02 04
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	2	18 01 03
6	Dung dịch thải thuốc tráng bản in offset gốc nước	Lỏng	670	19 01 02
	Tổng số lượng		676,5	

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: (không có)

lu

lu



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM RÁC SINH HOẠT (Đối với các tổ chức và hộ gia đình)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Quyết định 38/2018/QĐ-UBND HCM Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 02. tháng 01... năm 2024.....

Tại:....Nhà...phòng...Công.ty...TNHH...Phước...Quân.....

Đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: (CHỦ NGUỒN THẢI)

- Tên đơn vị (Chủ hộ):...CÔNG.TY.TNHH...PHƯỚC...QUÂN.....
- Địa chỉ:...67/1...TX22...Kp1...P.Thạnh.Xuân...Q.12...HCM.....
- Điện thoại:..... Mã số thuế...0305049930.....
- Tài khoản số:..... Tại:.....
- Đại diện: ...TRẦN...THỊ...ANH...KHOANG..... Chức vụ:...Giám...đốc.....

BÊN B: (ĐƠN VỊ THU GOM RÁC)

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV THU GOM CHẤT THẢI RẮN NGỌC NGÀ
- Địa chỉ: 194/1B TX22, Khu phố 7, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP HCM
- Điện thoại: 0907582711, 0799528336. Mã số thuế: 0315478671
- Tài khoản số: 060205564279, Tại Ngân hàng : Sacombank
- Đại diện bà: CHÂU THỊ NGỌC NGÀ Chức vụ: Giám đốc
- CMND/CCCD số: 080162000487 Cấp ngày: 16/08/2019 Tại: CTCCSQLHCVTXXH

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau đây:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên A thuê bên B hàng ngày thực hiện dịch vụ sau:

- Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của bên A tại địa chỉ: 67/1. TX21, KP.1, P. Thanh Xuân
Q12, HCM... và... 67A2. TX21, KP.5, P. Thanh Xuân, Q12, HCM.....
- Tần suất thu gom rác: 2... ngày/ 01 lần.
- Thời gian thu gom, vận chuyển: từ 6..... giờ 00..... đến 18..... giờ 00.....
- Khối lượng rác: Tuỳ theo thu gom hàng ngày hoặc có phát sinh.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

1. Trách nhiệm của bên A:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình thu gom rác. Giao rác đúng giờ thu gom
- Rác thải phải được đựng trong túi nylon và được buộc lại nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Đối với các loại chất thải rắn không phải chất thải rắn thông thường phát sinh như: Rác thải xây dựng, rác có kích thước lớn (Ví dụ: Tủ, bàn, ghế, nệm, cây cối. . .) thì phải ký phụ lục hợp đồng với đơn vị thu gom.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí người đến lấy rác bên A giao theo đúng thời gian thoả thuận và đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Có trách nhiệm giao biên lai thu phí cho bên A sau khi bên A thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho bên B.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng:

- Mức phí thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt là: 1.420.000..... đồng/tháng
(Bằng chữ: Một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng.....)
- Các quy định khác về mức phí thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt: Giá trên đã bao
gồm phí vận chuyển.....

2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán đầy đủ cho bên B bằng tiền mặt 100% vào ngày 26 tây..... hàng tháng.
- Ngoài ra bên A thưởng Tết âm lịch cho bên B với số tiền tương đương một tháng tiền thu gom rác vì khối lượng rác thải ra dịp tết tăng gấp nhiều lần so với bình thường.

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có giá trị thực hiện .1. năm; từ ngày 2.../01/2024 đến ngày 31.../12/2024.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:

- Điều chỉnh mức phí thu gom theo quy định của UBND Thành phố
- Có sự thay đổi về số lượng so với khảo sát định mức ban đầu;
- Thay đổi địa điểm, thời gian giao nhận rác.

Hai bên phải báo trước cho nhau 07 ngày để cùng nhau bàn bạc, thảo luận ký hợp đồng hoặc ghi thêm Phụ lục hợp đồng. Sau thời hạn 07 ngày phải giải quyết xong hợp đồng đã điều chỉnh. Việc thu gom rác vẫn được thực hiện trong thời gian điều chỉnh hợp đồng.

2. Trường hợp bên A vi phạm hợp đồng: Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A biết các vi phạm. Sau quá 03 lần nhắc nhở trong 01 tháng nhưng vẫn không khắc phục, bên B sẽ đơn phương tạm ngưng hợp đồng và báo lại cho UBND Phường.

3. Trường hợp bên B vi phạm hợp đồng: Bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B biết các vi phạm. Sau quá 03 lần nhắc nhở trong 01 tháng nhưng vẫn không khắc phục, bên A có quyền không chỉ trả chi phí dịch vụ của tháng đó và ngưng hợp đồng ký kết với bên B.

4. Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

- Bên A không thanh toán tiền cung ứng dịch vụ hàng tháng;
- Bên B cung ứng dịch vụ không đạt yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định của Nhà nước trong quá trình thu gom;
- Do các điều kiện bất khả kháng như: Thiên tai, chiến tranh, lũ lụt, hoả hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

5. Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến Toà án nhân dân Quận, Huyện để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Toà án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng được lập thành hai bản giống nhau có giá trị pháp lý và giá trị thực hiện như nhau, mỗi bên giữ một bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Thị Anh Khanh

ĐẠI DIỆN BÊN B



Châu Thị Ngọc Nga

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI
RÁC SINH HOẠT

Số: I/2023

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MTV THU GOM
CHẤT THẢI RẮN NGỌC NGÀ

Địa chỉ văn phòng: 194/1B Đường TX22, P. Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

Địa chỉ cơ sở xử lý: 194/1B Đường TX22, P. Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

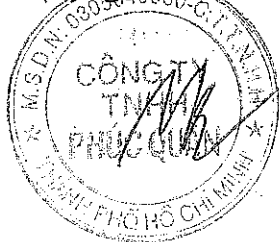
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	Số lượng thu gom từng lần chi tiết theo sổ theo dõi chuyển giao chất thải sinh hoạt Quý I/2023	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31... tháng 03... năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

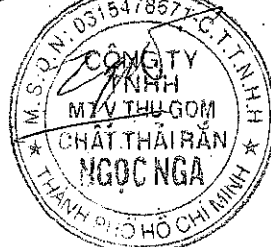


Trần Thị Anh Thuận

Tp. HCM, ngày 31... tháng 03... năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Châu Thị Ngọc Nga

**TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC SINH HOẠT**

Số: II /2023

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

**2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MTV THU GOM
CHẤT THẢI RẮN NGỌC NGÀ**

Địa chỉ văn phòng: 194/1B Đường TX22, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

Địa chỉ cơ sở xử lý: 194/1B Đường TX22, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

3. Khối lượng: CTRSH chuyên giao

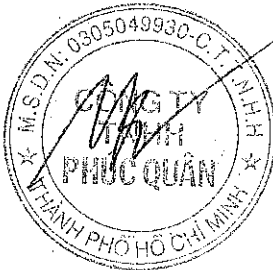
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyên giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	Số lượng thu gom từng lần chi tiết theo sổ theo dõi chuyên giao chất thải sinh hoạt Quý II/2023	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 30... tháng 06... năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

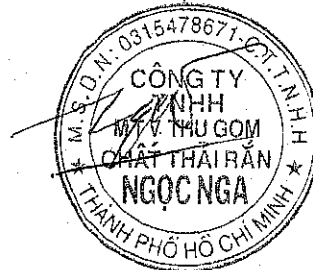


Trần Thị Anh Nhân

Tp. HCM, ngày 30.. tháng 06... năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Châu Thị Ngọc Nga

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI
RÁC SINH HOẠT

Số: III /2023

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MTV THU GOM
CHẤT THẢI RẮN NGỌC NGÀ

Địa chỉ văn phòng: 194/1B Đường TX22, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

Địa chỉ cơ sở xử lý: 194/1B Đường TX22, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

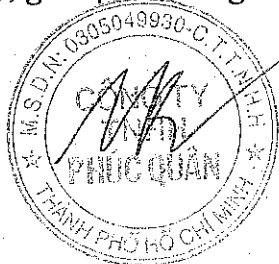
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	Số lượng thu gom từng lần chi tiết theo sổ theo dõi chuyển giao chất thải sinh hoạt Quý III/2023	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 20. tháng 09... năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

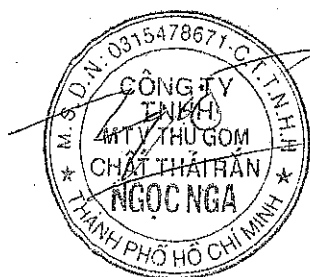


Nguyễn Văn Thành

Tp. HCM, ngày 20. tháng 09. năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Chị Lê Ngọc Nga

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI
RÁC SINH HOẠT

Số: IV /2023

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MTV THU GOM
CHẤT THẢI RẮN NGỌC NGÀ

Địa chỉ văn phòng: 194/1B Đường TX22, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

Địa chỉ cơ sở xử lý: 194/1B Đường TX22, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM ĐT: 0907582711

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

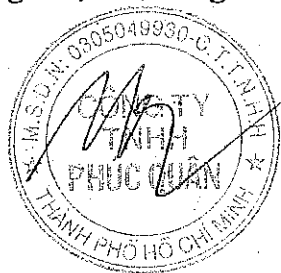
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	Số lượng thu gom từng lần chi tiết theo sổ theo dõi chuyển giao chất thải sinh hoạt Quý IV/2023	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31... tháng 12... năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

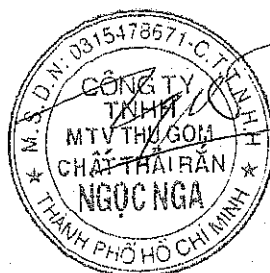


Trần Thị Anh Thành

Tp. HCM, ngày 31... tháng 12... năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Châu Thị Ngọc Nga

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN GIẤY Vụn

(Thu gom rác thải công nghiệp)

Số: 01/2024/PQ-PT

- Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 và Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ban hành ngày 23/06/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.



Hôm nay, ngày 03/01/2024, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI PHẠM THU

- Đại diện : Chức vụ:
- Địa chỉ : 14/6 Tổ 6, ấp Thới Tây 1 - Xã Tân Hiệp - Huyện Hóc Môn - TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 3710 0405-3710 5045 – 3710 5044 Fax: 028 3710 0406
- Mã số thuế : 0301624280



BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

- Đại diện : Bà **TRẦN THỊ ANH KHANH** Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**
- Địa chỉ : 67/1 TX 21, Khu phố 1, P.Thạnh Xuân, Q.12, TPHCM.
- Mã số thuế : 0305049930
- Điện thoại : 08.37164541 Fax: 08. 37160528
- Tài khoản : 31902559 – Ngân Hàng Á Châu
- Chi Nhánh : Phan Đăng Lưu – Q.Phú Nhuận - TP.HCM

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, Hai bên đồng ý ký kết Hợp Đồng mua bán có thời hạn với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

Bên B đồng ý bán cho bên A giấy vụn, giấy xén lẻ phát sinh trong quá trình sản xuất, giá cả theo thỏa thuận thống nhất giữa 2 bên và phải được báo trước ít nhất 5 ngày nếu có sự thay đổi về giá.

Thu mua giấy vụn tại địa điểm: Số 67/1 đường TX21, KP1, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM

Số 67A2 đường TX21, KP5, P.Thạnh Xuân, Q.12, TP.HCM

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN:

1/ Bên A:

- Chi phí vận chuyển và bốc xếp do bên A chịu
- Sắp xếp xe đến thu mua theo yêu cầu trước của bên B
- Cung cấp bao để chứa giấy vụn cho bên B

2/ Bên B:

- Thông báo trước cho bên A 1 ngày để sắp xếp xe đến thu mua
- Lưu trữ giấy vụn tập trung tại kho chứa

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Bên A thanh toán bằng tiền mặt cho bên B trong mỗi chuyến thu mua.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến Hợp đồng phải có sự thoả thuận của hai bên và được thể hiện bằng phụ lục Hợp đồng. Không bên nào được tự ý sửa chữa hoặc huỷ bỏ hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có khó khăn trở ngại thì phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi.

- Nếu có phát sinh tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được thì nội vụ sẽ được chuyển sang Toà Án Kinh Tế cấp có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng buộc mỗi bên phải có nghĩa vụ thi hành.

- Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024, hợp đồng được lập thành 02 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Bạc

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, họ tên)



Trần Thị Anh Khanh

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 01/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1420	
	Tổng khối lượng	1420	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

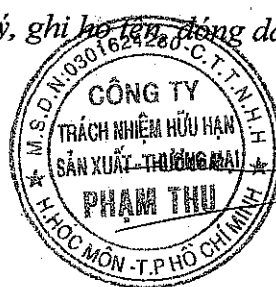


Nguyễn Văn Bạt

Hóc Môn, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạt

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 02/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1554	
	Tổng khối lượng	1554	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạt

Hóc Môn, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạt

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 03/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1362	
	Tổng khối lượng	1362	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trần Văn Bình

Hóc Môn, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạc

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 04/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN**

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU**

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn ĐT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn ĐT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1333	
	Tổng khối lượng	1333	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trần Văn Anh Tuấn

Hóc Môn, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạc

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 05/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1308	
	Tổng khối lượng	1308	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bực

Hóc Môn, ngày 31 tháng 05 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bực

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 06/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1296	
	Tổng khối lượng	1296	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trần Thị Bích Hằng

Hóc Môn, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạc

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 07/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN**

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU**

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1262	
	Tổng khối lượng	1262	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

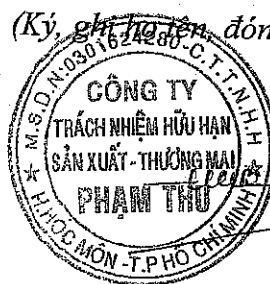


Đỗ Văn Anh

Hóc Môn, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạc

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 08/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN**

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU**

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

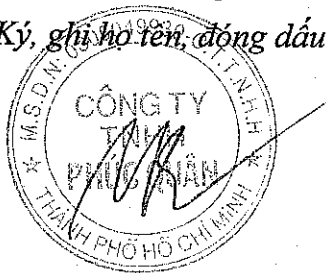
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1324	
	Tổng khối lượng	1324	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31 tháng 08 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

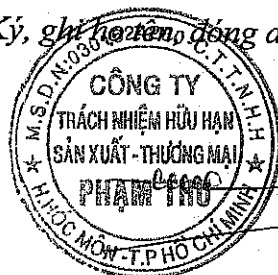


Nguyễn Văn Bắc

Hóc Môn, ngày 31 tháng 08 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bắc

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 09/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1295	
	Tổng khối lượng	1295	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạt

Hóc Môn, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạt

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 10/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn DT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

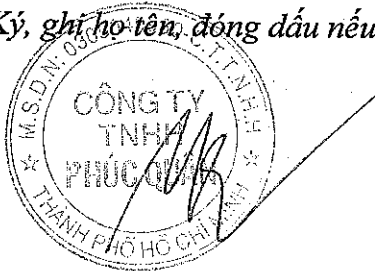
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1335	
	Tổng khối lượng	1335	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 31 tháng 10 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Signature]

Hóc Môn, ngày 31 tháng 10 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạc

TỈNH/THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI
RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số: 11/23

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH SX-TM PHẠM THU

Địa chỉ văn phòng: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn ĐT: (028) 3710 0405

Địa chỉ cơ sở xử lý: 14/6 Tổ 6, Ấp Thới Tây I, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn ĐT: (028) 3710 0405

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác công nghiệp (giấy vụn)	1322	
	Tổng khối lượng	1322	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tp. HCM, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Bên giao

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Trần Thị Anh Thành

Hóc Môn, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Bạc

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN

Đường số 8 - KCN Trảng Bàng-An Tịnh -

Trảng Bàng - Tây Ninh - Việt Nam

Số: VP04/24/HĐXLHCM-PQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

T.p Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Tại địa điểm: VPĐD Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính : Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số điện thoại : 02763 898322

Fax: 02763 898 321

Mã số thuế : 3900357907

Số tài khoản : 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Đại diện : Ông LÊ THIÊN PHƯƠNG

Chức vụ: Phó Giám Đốc



BÊN B : CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Địa chỉ : Số 67/1 Đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

Số điện thoại : 02837010196 - 02837164541 Fax: 37160528

Mã số thuế : 0305049930

Đại diện : Bà TRẦN THỊ ANH KHANH Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên B với chủng loại và đơn giá như sau:

❖ **Danh mục chất thải nguy hại**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)	Lỏng	19 10 01
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06
4	Nước thải rửa bàn phím dính hóa chất	Lỏng	19 01 02

Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

Phương thức giao nhận:

- Hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải nguy hại và ký xác nhận của đại diện hai Bên vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.
- Khoảng 01(tháng) Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B 01 (một) lần. Bên B báo trước cho Bên A 04 ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp công việc.
- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại Điều 1.

- Bên A cung cấp cho Bên B mượn can nhựa hoặc thùng phuy để chứa các CTNH dạng lỏng.
- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Địa điểm giao nhận: Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo địa chỉ:

+ Số 67/1 Đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

+ 67A2 Đường Thạnh Xuân 21, Khu phố 5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM.

Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

1. Giá cả thanh toán:

- Chi phí xử lý khoán Bên B phải thanh toán cho Bên A là 8.000.000VNĐ/Chuyến.
- Nếu tổng số lượng chất thải nguy hại (các loại như trong danh mục ở điều 1) phát sinh trong chuyến ít hơn hoặc bằng 1.000Kg thì Bên A sẽ thu gom và xử lý nhưng không thu thêm chi phí xử lý CTNH.
- Trường hợp khối lượng chất thải phát sinh trong chuyến trên 1.000Kg thì mỗi kg vượt hơn sẽ tính với đơn giá 10.000VNĐ/Kg chung cho các loại chất thải nguy hại.
- Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế VAT theo luật định (Đối với doanh nghiệp chế xuất thuế VAT = 0%).
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển chất thải.

2. Phương thức thanh toán.

- Bên B thanh toán cho Bên A 100% chi phí xử lý chất thải trong vòng 10 ngày sau khi Bên A cung cấp hóa đơn tài chính kèm theo toàn bộ chứng từ chất thải nguy hại có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Bên A cho Bên B.
- Bên A căn cứ vào chứng từ giao nhận thu gom CTNH thực tế, Bên A phát hành hóa đơn thu thêm tiền số lượng chất thải chênh lệch trên định mức nếu có.
- Thời hạn thanh toán không quá 10 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A phát hành. Trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Agribank chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Ngoài hình thức thanh toán này, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm

điều này, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên.

4.1. Trách nhiệm Bên A

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển CTNH ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.

- Khi thu gom vận chuyển CTNH Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX).

- Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH và cung cấp lại đầy đủ chứng từ đã xử lý cho Bên B trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày Bên A nhận được chứng từ do Bên B cung cấp.

4.2. Trách nhiệm Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên B.

- Bên B có trách nhiệm giao chất thải cho phương tiện vận chuyển nằm trong giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bên A do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp. Nếu Bên B tự ý giao CTNH cho xe vận chuyển khác không nằm trong giấy phép của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Theo qui định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên B (chứng từ CTNH gồm 04 liên), Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên A; Nếu chủ nguồn thải không kê khai chứng từ CTNH ngay thời điểm chuyển giao chất thải (trừ trường hợp bất khả kháng có thông báo gửi cho Bên A) thì trong vòng 06 tháng phải bổ sung chứng từ cho Bên A. Sau 06 tháng Bên A sẽ không nhận chứng từ CTNH vì quá hạn xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chứng từ đó sẽ bị hủy. Trong trường

hợp này, Bên A sẽ căn cứ theo hợp đồng và biên bản giao nhận để xuất hóa đơn. Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ chi phí cho Bên A sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ Bên A.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng thỏa thuận của hợp đồng.

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản thì Bên vi phạm sẽ chịu mọi trách nhiệm.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không giao chất thải cho Bên A và thanh toán dựa theo Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn bản gửi cho Bên B trước 15 ngày. Bên B vẫn phải thanh toán tiền xử lý chất thải cho Bên A dựa trên Điều 3.

- Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.

- Trường hợp hai Bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 02/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản/.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ THIÊN PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ ANH KHANH



TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 421/2023 / 3-4-5-6.005VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541
Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)		x		19 10 01	100	XLNT
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		PT-HR
4	Nước thải rửa bán kềm dính hóa chất		x		19 01 02		XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Hồng Phúc Ký: Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:..... Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trần Thị Anh Khanh

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 14 tháng 2 năm 2023
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Năm

@Liên số: 1□- 2□- 3□- 4□

Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ...16.14.../2023 / 3-4-5-6.005VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541
Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)		x		19 10 01	1000	XLNT
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		PT-HR
4	Nước thải rửa bàn kẽm dính hóa chất		x		19 01 02		XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

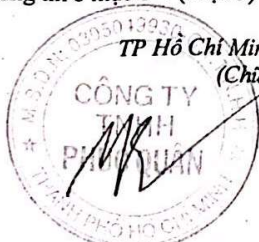
5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: ...51C-29397...

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ...Nguyễn Duy Vũ... Ký: ...W... Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2023
(Chữ ký, đóng dấu)

Trần Thị Anh Khanh

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Tây Ninh, ngày 5 tháng 6 năm 2023
(Chữ ký, đóng dấu)

Trần Thị Năm

@Liên số: 1□- 2□- 3□- 4□

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

INH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2391... /2023 / 3-4-5-6.005VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541
Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

ST	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)		x		19 10 01	1000	XLNT
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		PT-HR
4	Nước thải rửa bản kẽm dính hóa chất		x		19 01 02		XLNT

Chỉ lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân /chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

Qua khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Biện pháp phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Biện pháp phương tiện vận chuyển:

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Vũ Ký: M Ngày:

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2023
(Chữ ký, đóng dấu)



Trần Thị Anh Khanh

Tây Ninh, ngày 12 tháng 05 năm 2023
(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Năm

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Chú:

Trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ...3470.../2023 / 3-4-5-6.005VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541
Địa chỉ cơ sở: Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)		x		19 10 01	1000	XLNT
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		PT-HR
4	Nước thải rửa bàn kẽm dính hóa chất		x		19 01 02		XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

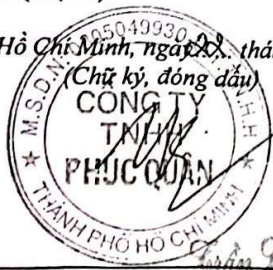
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: ...700...16010...

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Văn...Ký: ... Ngày:

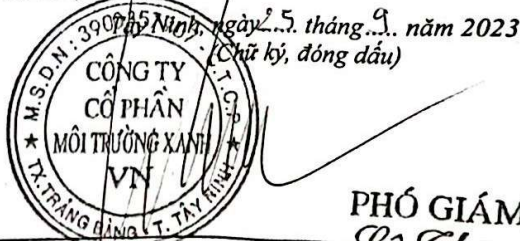
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 09 năm 2023



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như khai ở mục 4



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Năm

@Liên số: 10- 20 - 30- 40

Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TÂY NINH

CHUNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3044.../2023 / 3-4-5-6.005VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX

Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322

Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)		x		19 10 01	1000	XLNT
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		PT-HR
4	Nước thải rửa bản kẽm dính hóa chất		x		19 01 02		XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (không)

Nước nhập khẩu: (không)

Cửa khẩu nhập: (không)

Số hiệu phương tiện: (không)

Ngày xuất cảng: (không)

Cửa khẩu xuất: (không)

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Văn Ký: 1/1 Ngày:

2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:..... Ngày:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

(Chữ ký, đóng dấu)



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2023

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Năm

Số: 10-20-30-40

Chú:

Đã trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 4.329/2023 / 3-4-5-6.005VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX
Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 67/1, đường TX21, KP1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541
Địa chỉ cơ sở : Số 67/A2, đường TX21, KP5, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM ĐT: (028) 37 010 196/ 37 164 541

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có thành phần nguy hại (nước thải tẩy rửa hộp mực in)		x		19 10 01	1000	XLNT
2	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		PT-HR
4	Nước thải rửa bàn kẽm dính hóa chất		x		19 01 02		XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân hủy/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Hôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập: (không)
Hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
hiệu phương tiện vận chuyển: 70C...04951.

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Ngọc Anh Ký: Ngày:

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:..... Ngày:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2023

(Chữ ký, đóng dấu)



8. Chủ CS DV XL CTNH (cối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Năm

Liên số: 1□- 2□- 3□- 4□

chú:.....

ri rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 -
Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 369601

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023 (kèm theo bảng kê số 571846072 ngày 02 tháng 03 năm 2023)	kWh	1.047	-	3.272.049
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.272.049
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			327.205
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			3.599.254
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH
- Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 03/ 2023 14:41:25



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 -
Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 566208

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023	kWh	1.169	-	3.566.604
	(kèm theo bảng kê số 574686663 ngày 02 tháng 04 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.566.604
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 356.660
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 3.923.264
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH
- Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 04/ 2023 10:26:37

xuống mới



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 -
Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 767307

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023 (kèm theo bảng kê số 577855233 ngày 02 tháng 05 năm 2023)	kWh	1.207	-	3.672.806
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.672.806
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			367.281
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			4.040.087
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn không trăm tám mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH
- Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 05/ 2023 05:44:38



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 963711

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023	kWh	1.724	-	5.548.595
	(kèm theo bảng kê số 580562386 ngày 03 tháng 06 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.548.595
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			554.860
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			6.103.455
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu một trăm linh ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 03/ 06/ 2023 08:14:44



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1162611

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023	kWh	1.776	-	5.809.059
	(kèm theo bảng kê số 583799281 ngày 02 tháng 07 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.809.059
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			464.725
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			6.273.784
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 07/ 2023 12:25:57



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1366020

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023	kWh	1.656	-	5.389.447
	(kèm theo bảng kê số 586478245 ngày 01 tháng 08 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.389.447
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			431.156
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			5.820.603
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn sáu trăm linh ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/ 08/ 2023 20:25:29



EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại
NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1519857

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2023 từ ngày 01/08/2023 đến ngày 31/08/2023 (kèm theo bảng kê số 588863609 ngày 01 tháng 09 năm 2023)	kWh	1.485	-	4.760.307
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.760.307
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					380.825
Tỷ giá (Exchanged rate):					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.141.132
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm triệu một trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH
- Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/09/2023 23:33:26



EVN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại
NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1791334

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 30/09/2023 (kèm theo bảng kê số 592116000 ngày 02 tháng 10 năm 2023)	kWh	1.441	-	4.683.585
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.683.585
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					374.687
Tỷ giá (Exchanged rate):					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.058.272
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm triệu không trăm năm mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH
- Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 10/ 2023 02:17:18



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại
NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1962159

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUẬN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023 (kèm theo bảng kê số 594848991 ngày 01 tháng 11 năm 2023)	kWh	1.669	-	5.347.648
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.347.648
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 427.812
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 5.775.460
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM TNHH
- Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 11/ 2023 00:08:56



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 2114693

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023 (kèm theo bảng kê số 598498867 ngày 04 tháng 12 năm 2023)	kWh	1.820	-	5.952.968
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.952.968
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			476.237
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			6.429.205
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm linh năm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đồng
Ngày ký: 04/ 12/ 2023 03:34:08



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 169813

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kWh	1.776	-	6.060.161
	(kèm theo bảng kê số 601956369 ngày 01 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.060.161
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			484.813
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			6.544.974
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đồng
Ngày ký: 01/ 01/ 2024 18:38:20



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 371189

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 0305049930

Địa chỉ (Address): 67/1 đường TX21, KP1, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000195378

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 606998377 ngày 01 tháng 02 năm 2024)	kWh	1.776	-	5.833.951
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.833.951
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			466.716
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			6.300.667
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu ba trăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đồng
Ngày ký: 02/ 02/ 2024 00:20:29

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 00636841

THÁNG: 2 (03/01/2023 - 02/02/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHỐ 1 PHƯƠNG THANH XUAN QUẬN 12 TP. HO CHI MINH VIỆT NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 44

CHỈ SỐ CŨ: 38

TIÊU THỤ (m3): 6

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	6	21.300	127.800	6.390	25.560	2.556
Dịch vụ thoát nước	6	4.260	Tổng số tiền thanh toán: Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm lẻ sáu đồng.			
			162.306			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHƯƠNG THANH XUAN, QUẬN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 06/02/2023

TÔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 01274139

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

THÁNG: 3 (02/02/2023 - 02/03/2023)

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 53

CHỈ SỐ CŨ: 44

TIÊU THỤ (m3): 9

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	9	21.300	191.700	9.585	38.340	3.834
Dịch vụ thoát nước	9	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 243.459 Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 03 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TÔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 08/03/2023

xuất mồi

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, MST:0100109106

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 01882792

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 4 (02/03/2023 - 03/04/2023)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 62

CHỈ SỐ CŨ: 53

TIÊU THỤ (m³): 9

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	9	21.300	191.700	9.585	38.340	3.834
Dịch vụ thoát nước	9	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 243.459 Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 04 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 07/04/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 02444838

THÁNG: 5 (03/04/2023 - 05/05/2023)

KHÁCH HÀNG: **CONG TY TNHH PHUC QUAN**

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 87

CHỈ SỐ CŨ: 62

TIÊU THỤ (m3): 25

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	25	21.300	532.500	26.625	106.500	10.650
Dịch vụ thoát nước	25	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 676.275			
			Số tiền bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 05 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 09/05/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 03051073

THÁNG: 6 (05/05/2023 - 02/06/2023)

KHÁCH HÀNG: **CONG TY TNHH PHUC QUAN**

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 106

CHỈ SỐ CŨ: 87

TIÊU THỤ (m3): 19

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	19	21.300	404.700	20.235	80.940	8.094
Dịch vụ thoát nước	19	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 513.969			
			Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười ba nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 06 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 06/06/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 03638793

THÁNG: 7 (02/06/2023 - 03/07/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 146

CHỈ SỐ CŨ: 106

TIÊU THỤ (m3): 40

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	40	21.300	852.000	42.600	170.400	13.632
Dịch vụ thoát nước	40	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 1.078.632 Số tiền bằng chữ: Một triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 05/07/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 04241155

THÁNG: 8 (03/07/2023 - 02/08/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 192

CHỈ SỐ CŨ: 146

TIÊU THỤ (m3): 46

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	46	21.300	979.800	48.990	195.960	15.677
Dịch vụ thoát nước	46	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 1.240.427 Số tiền bằng chữ: Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 08 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 04/08/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA

Ký hiệu: 1K23TCT

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCMTĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Số: 04819834

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 9 (02/08/2023 - 05/09/2023)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 258

CHỈ SỐ CŨ: 192

TIÊU THỤ (m³): 66

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	66	21.300	1.405.800	70.290	281.160	22.493
Dịch vụ thoát nước	66	4.260	Tổng số tiền thanh toán:			
			Số tiền bằng chữ:			
			Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng.			
			1.779.743			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 09 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 06/09/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA

Ký hiệu: 1K23TCT

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCMTĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Số: 05461796

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 10
(05/09/2023 - 03/10/2023)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 280

CHỈ SỐ CŨ: 258

TIÊU THỤ (m³): 22

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	22	21.300	468.600	23.430	93.720	7.498
Dịch vụ thoát nước	22	4.260	Tổng số tiền thanh toán:			
			Số tiền bằng chữ:			
			Năm trăm chín mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng.			
			593.248			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 05/10/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 06066487

THÁNG: 11 (03/10/2023 - 02/11/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 300

CHỈ SỐ CŨ: 280

TIÊU THỤ (m3): 20

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	20	21.300	426.000	21.300	85.200	6.816
Dịch vụ thoát nước	20	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 539.316 Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 11 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 04/11/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 06658530

THÁNG: 12 (02/11/2023 - 02/12/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1725

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 325

CHỈ SỐ CŨ: 300

TIÊU THỤ (m3): 25

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	25	21.300	532.500	26.625	106.500	8.520
Dịch vụ thoát nước	25	4.260	Tổng số tiền thanh toán: 674.145 Số tiền bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 05/12/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 00084999

THÁNG: 1 (02/12/2023 - 03/01/2024)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH PHÚC QUAN

ĐỊA CHỈ: 67/1 THANH XUAN 21 KHU PHO 1 PHUONG THANH XUAN QUAN 12 TP. HO CHI MINH VIET NAM

SDB: 2204 329 8517

MÃ SỐ THUẾ: 0305049930

SHĐ:

MLT: TA22.2103.1675

MGB: 33

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 357

CHỈ SỐ CŨ: 325

TIÊU THỤ (m3): 32

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	2	21.300	681.600	34.080	127.800	11.076
30	21.300	10.650				
Dịch vụ thoát nước	2	5.325	Tổng số tiền thanh toán: 865.206 Số tiền bằng chữ: Tám trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm lẻ sáu đồng.			
	30	4.260				

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 67A2 THANH XUAN 21, PHUONG THANH XUAN, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Lượng nước sử dụng năm 2023: 30 m³

Lượng nước sử dụng năm 2024: 2 m³

Cột (3): Bao gồm: tiền DVTN năm 2023 + tiền DVTN năm 2024

= lượng nước sử dụng 2023 x đơn giá nước sạch năm 2022 x 20% +

lượng nước sử dụng 2024 x đơn giá nước sạch năm 2022 x 25%

= 127.800 + 10.650 = 138.450 đồng

Cột (4): Thuế GTGT = giá DVTN năm 2023 + 2024 x 8% = 138.450 x 8% = 11.076 đồng

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 08/01/2024

Số : 483-05/23-1.4/ KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 25/05/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
483-05/23-1.4K1.Khu vực cổng (X=600660; Y=1201736)	63	-	-	-	-
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-	-
483-05/23-1.4K2.Khu vực sản xuất	69	31,6	58,0	0,4	315
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	≥ 300

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 483-05/23-1.4/ KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 25/05/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (THC)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	THC (mg/m ³)
483-05/23-1.4K1.Khu vực cổng (X=600660; Y=1201736)	0,15	2,31	0,040	0,015	-
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	5
483-05/23-1.4K2.Khu vực sản xuất	0,85	3,35	0,068	0,019	7,01
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	4,6875	15,625	3,90625	3,90625	234,375

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/3

Số : 483-05/23-1.4/ KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 25/05/2023

4/ Loại mẫu : 483-05/23-1.4NT.Nước thải tại hồ ga, (X=600678; Y=1201731)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,6°C)	-	6,64	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	32	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	90	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	38	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	10,2	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,99	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	2,67	0,011	10	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	3.800	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Th.S. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/3

BM02-TT17, LÀN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 1181-11/23-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Hydrocacbons (THC)** - n-Hexan** - n-Heptan**	NIOSH Method 1500 NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500 NIOSH Method 1500	0,010 mg/m ³ 0,0079 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	THC (mg/m ³)
1181-11/23-2.2KKXQ2.Khu vực sản xuất	5,5
QCVN 03:2019/BYT ^(a)	234,375

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

*(**): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận*

*(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần)
Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
PHỔ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 1181-11/23-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46:2012/BTNMT	0÷100%RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1181-11/23-2.2KKXQ1.Khu vực cổng (X=600660; Y=1201736)	64	-	-	-	-
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-	-
1181-11/23-2.2KKXQ2.Khu vực sản xuất	75	30,5	77,3	0,3	528
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	≥ 300

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Quách Văn Duy****KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC****ThS. Thái Sanh Bảo Huy****Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

1/3

Số : 1181-11/23-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
1181-11/23-2.2KKXQ1.Khu vực cổng (X=600660; Y=1201736)	0,13	2,03	0,052	0,023
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2023/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2
1181-11/23-2.2KKXQ2.Khu vực sản xuất	0,44	2,89	0,084	0,025
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	4,6875	15,625	3,90625	3,90625

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duyệt


KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 1181-11/23-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÚC QUÂN

2/ Địa chỉ : 67A2 TX 21, KP 5, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/11/2023

4/ Loại mẫu : 1181-11/23-2.2NT.Nước thải tại hồ ga, (X=600678; Y=1201731)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,7°C)	-	6,89	2÷12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	42	1,5	100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	81	2,0	150	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	35	1,0	50	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	13,3	1,50	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	0,77	0,016	6	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	1,82	0,010	10	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	3.100	2	5.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

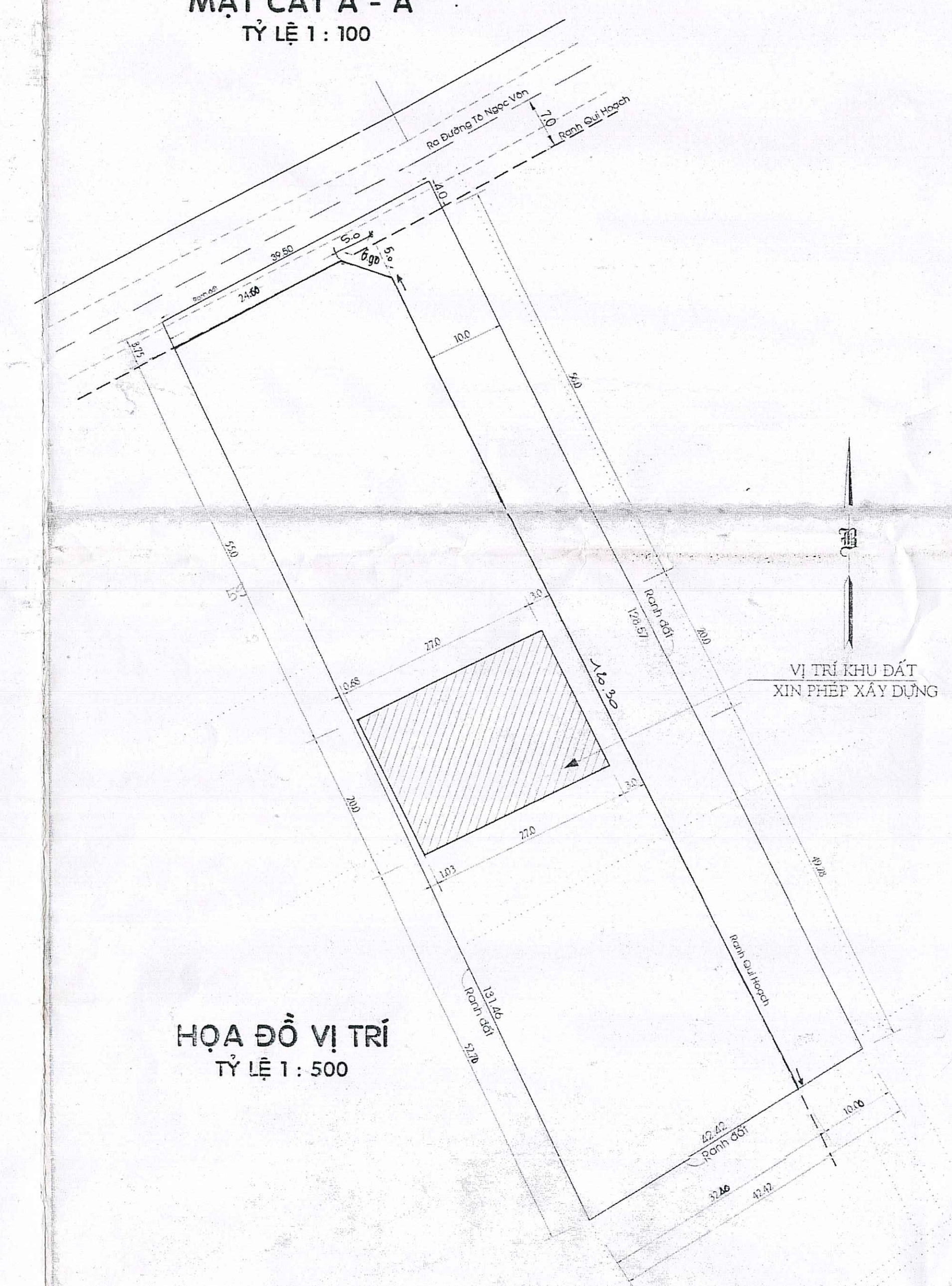
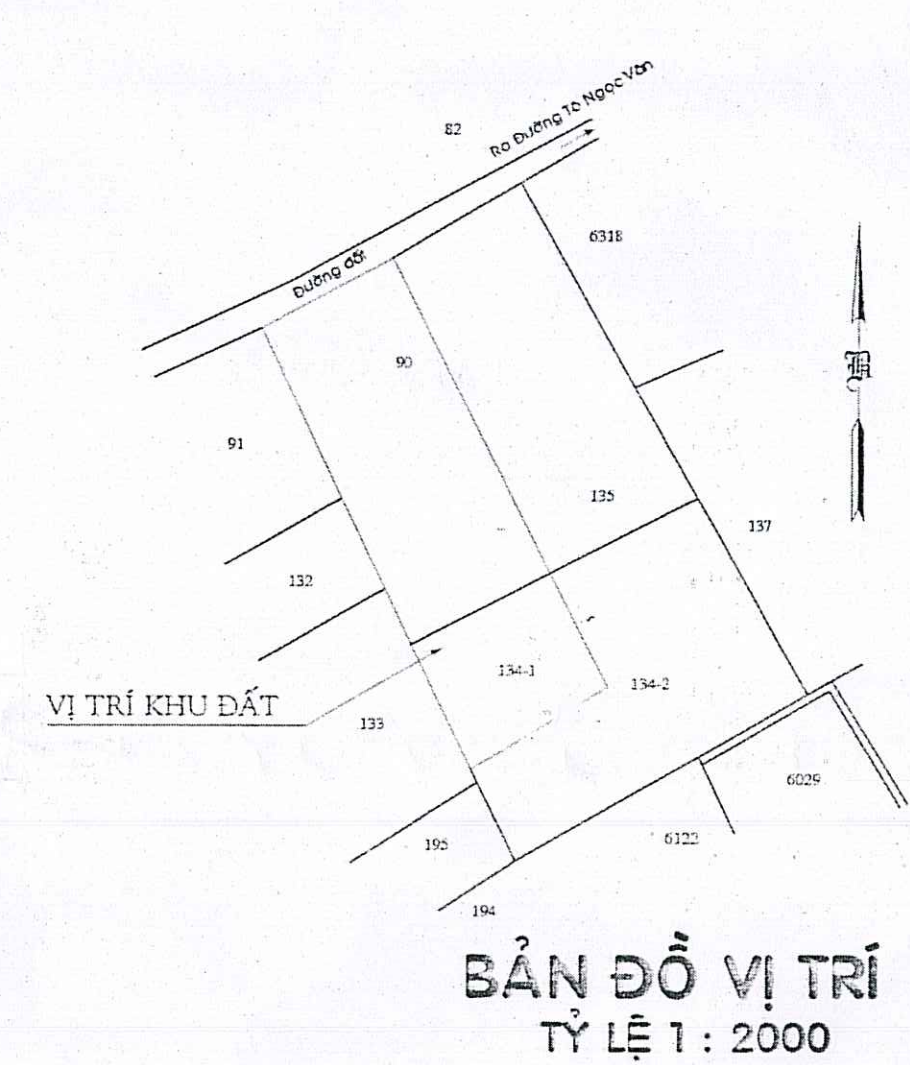
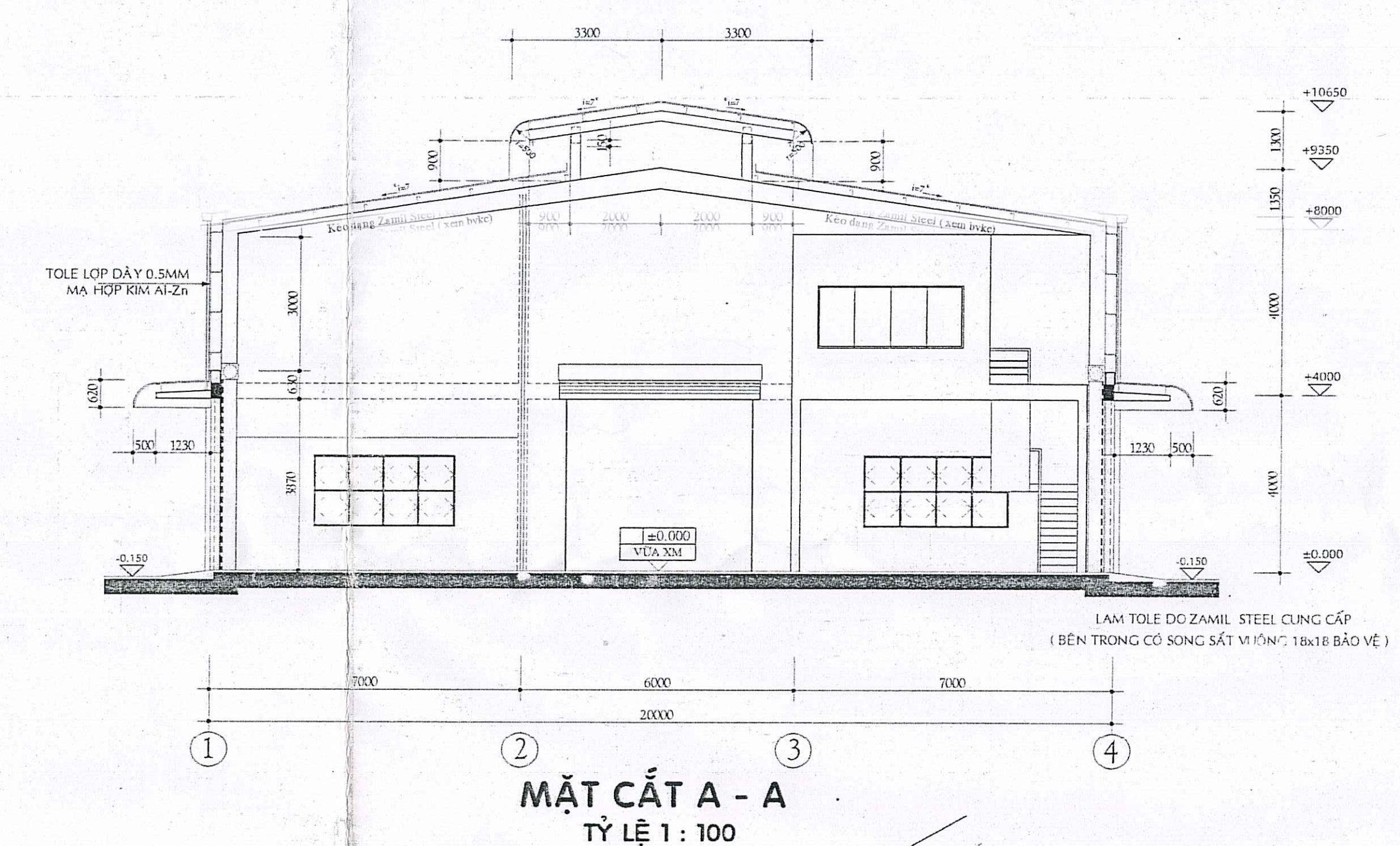
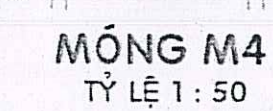
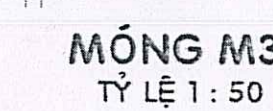
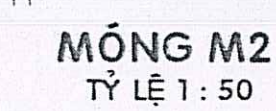
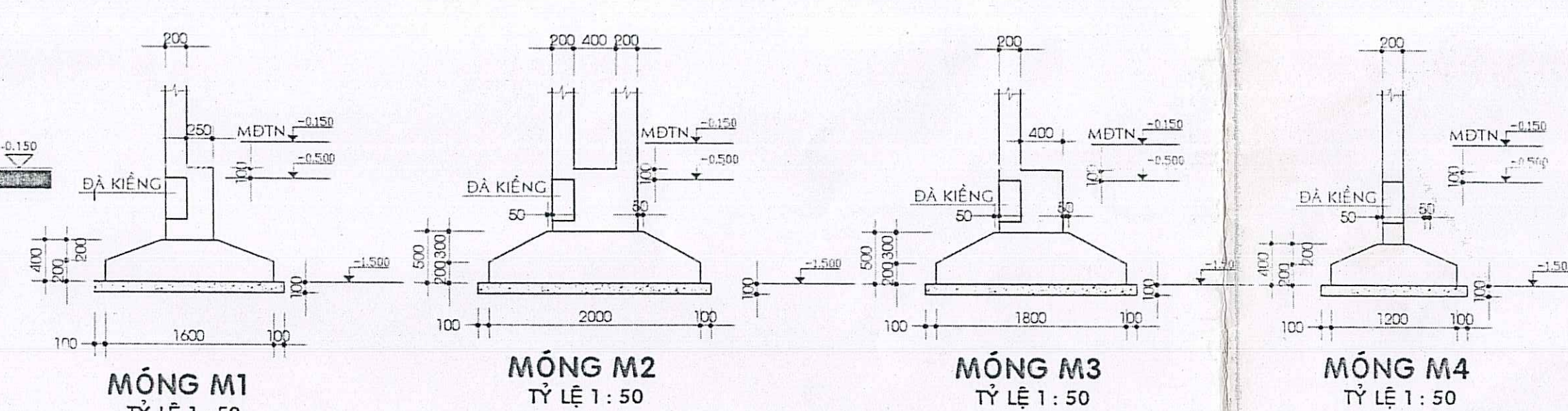
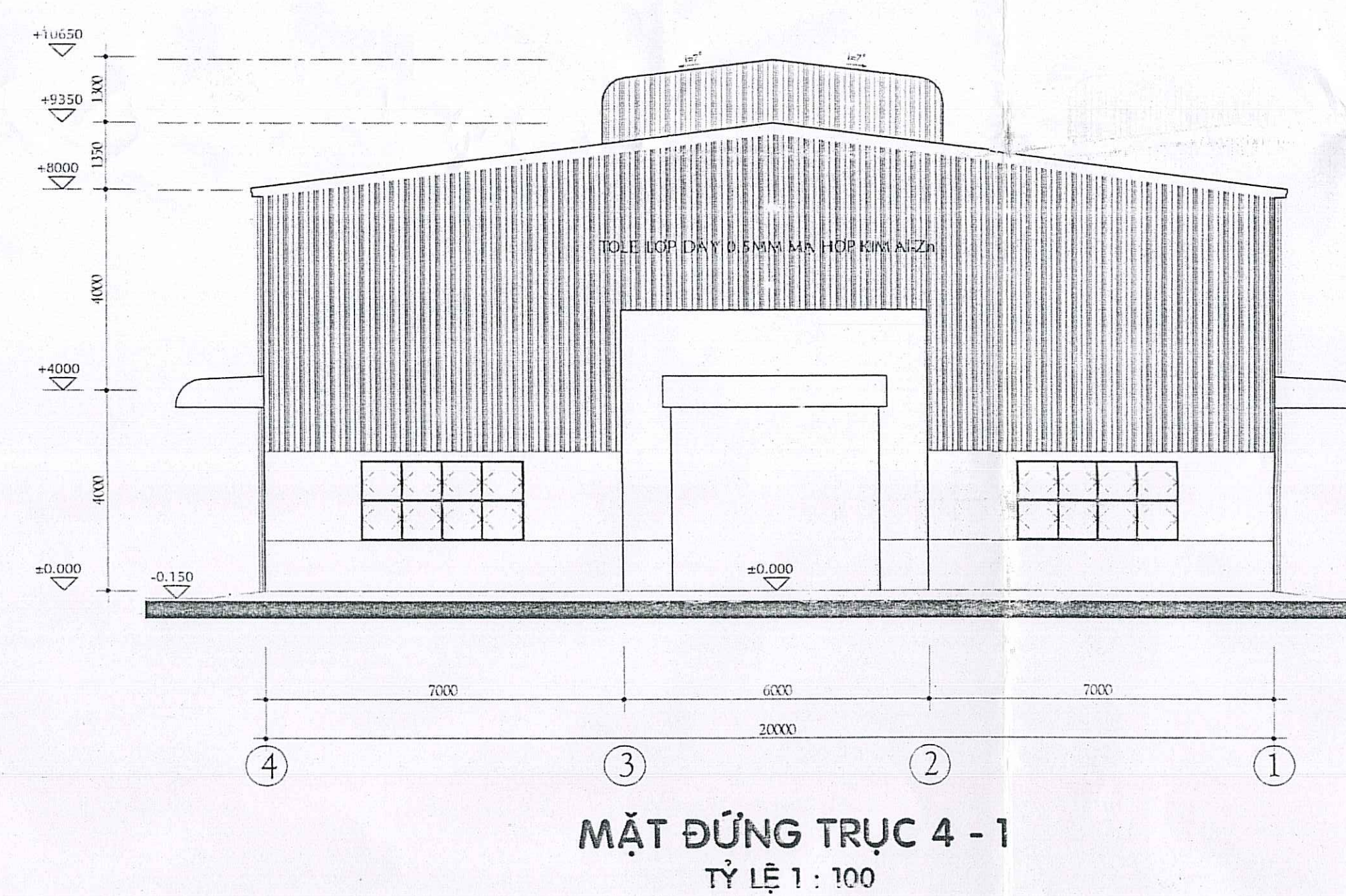
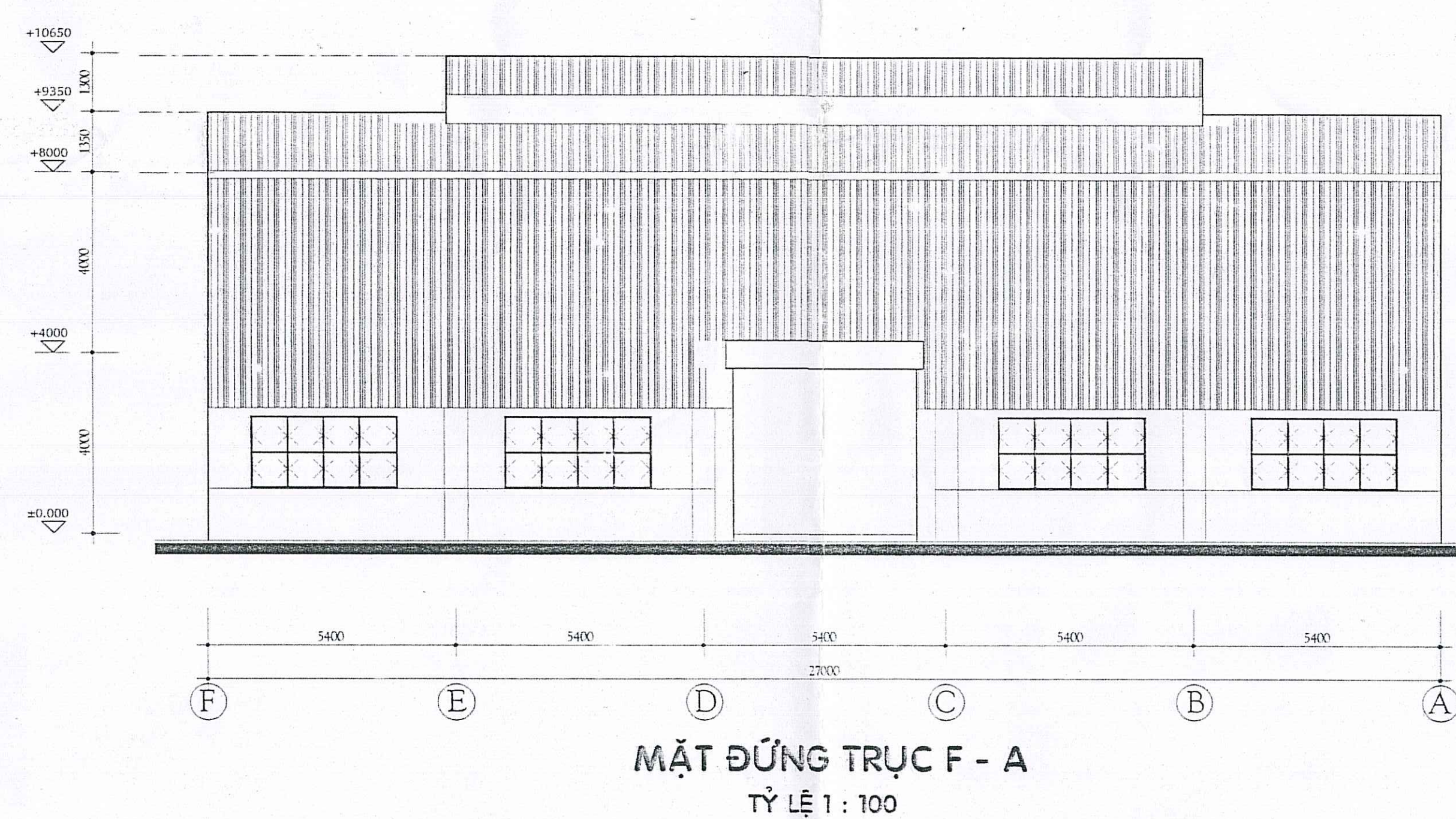
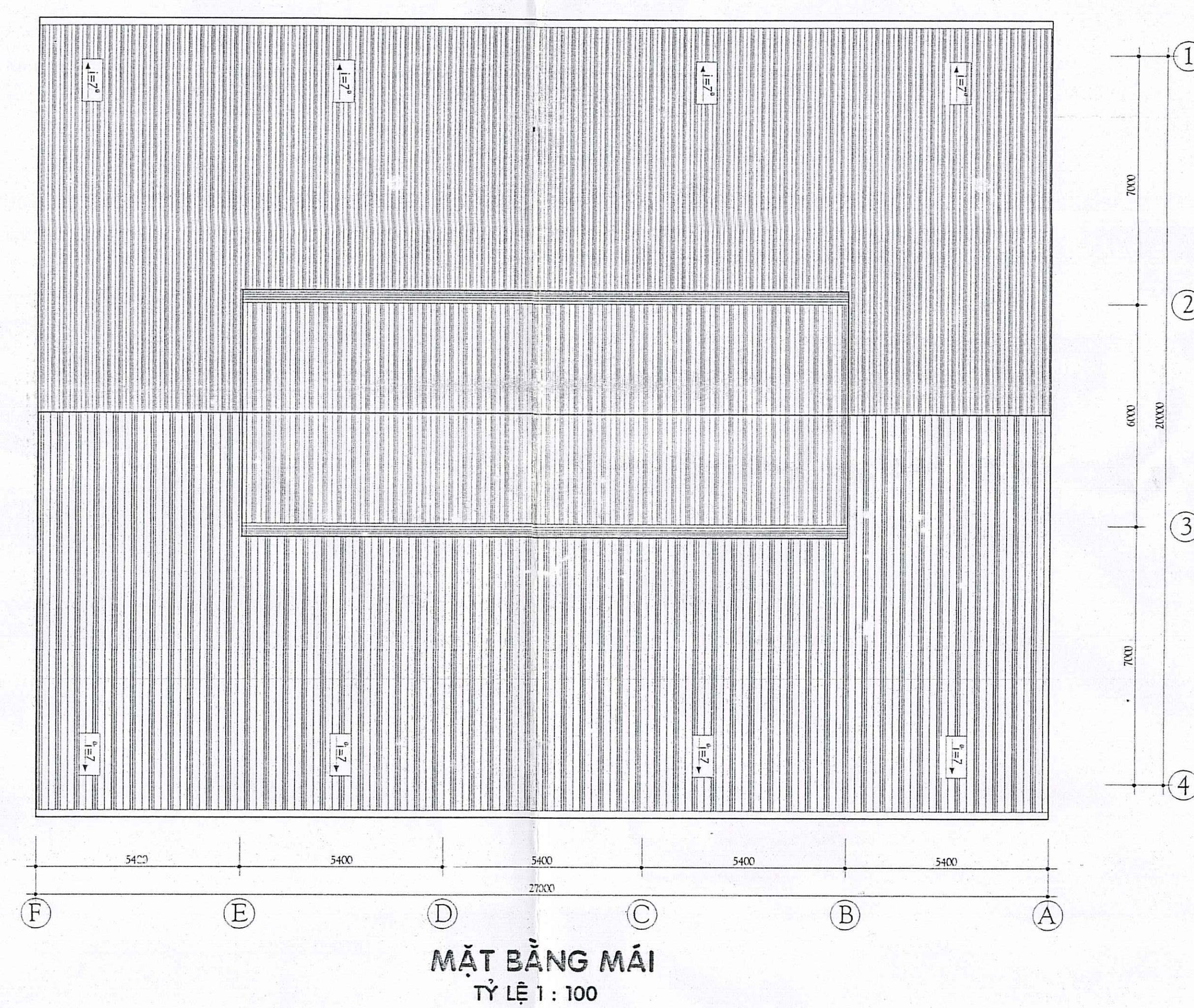
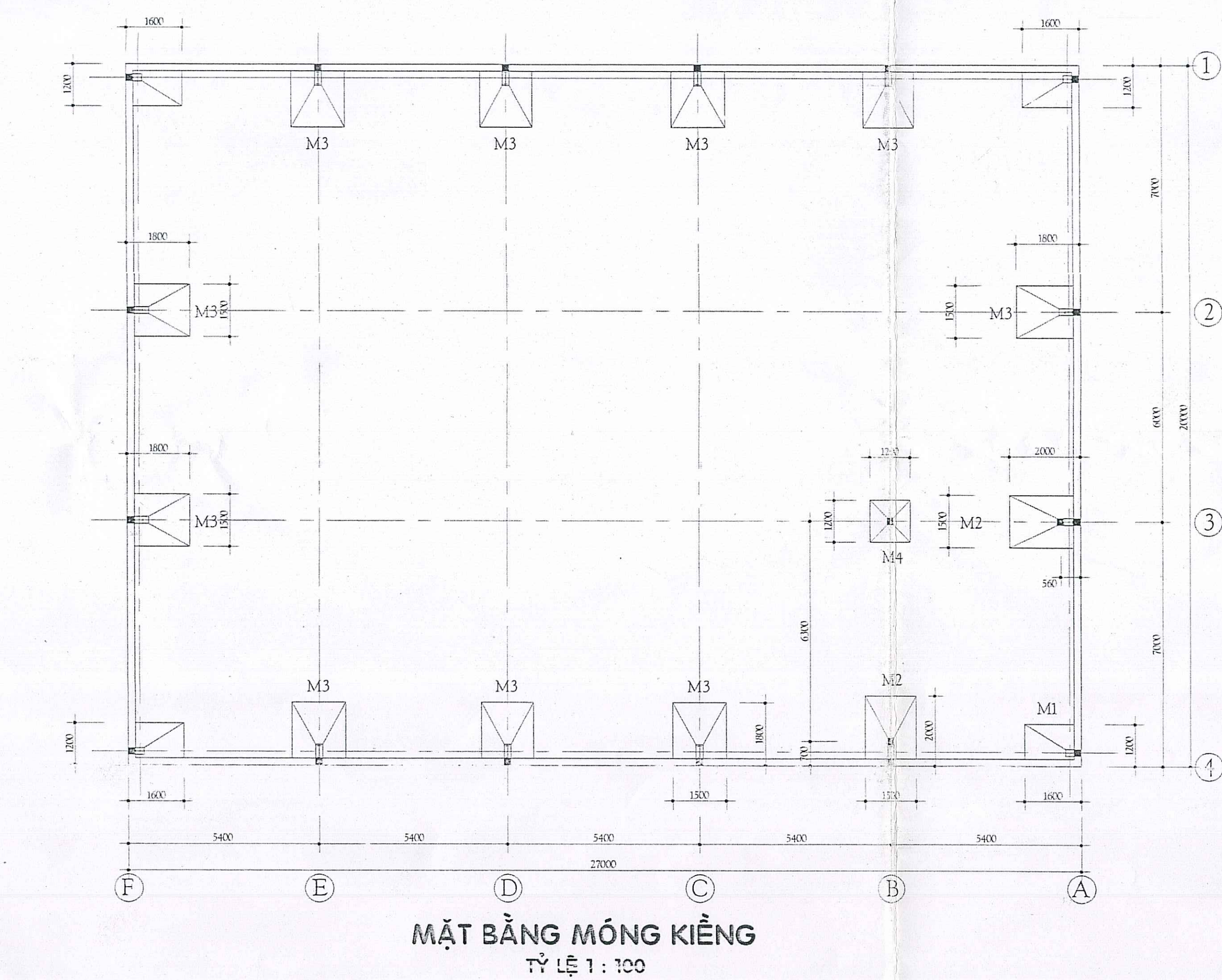
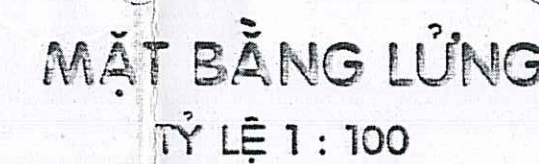
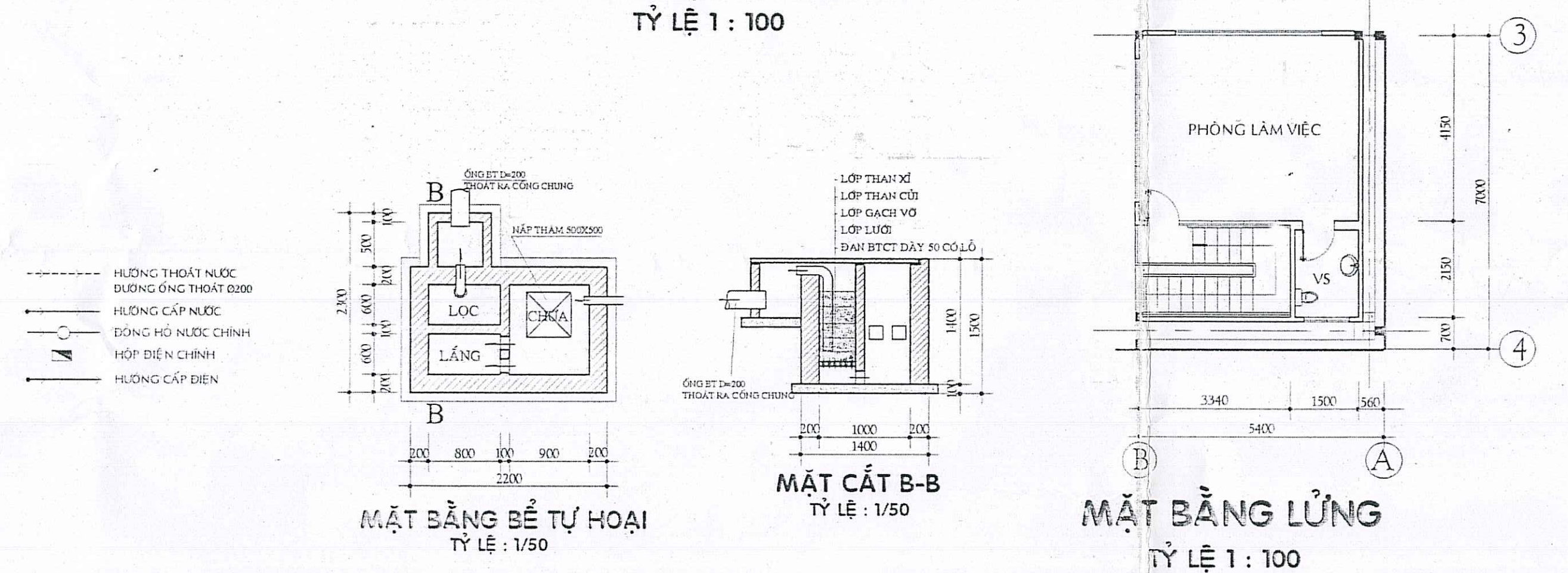
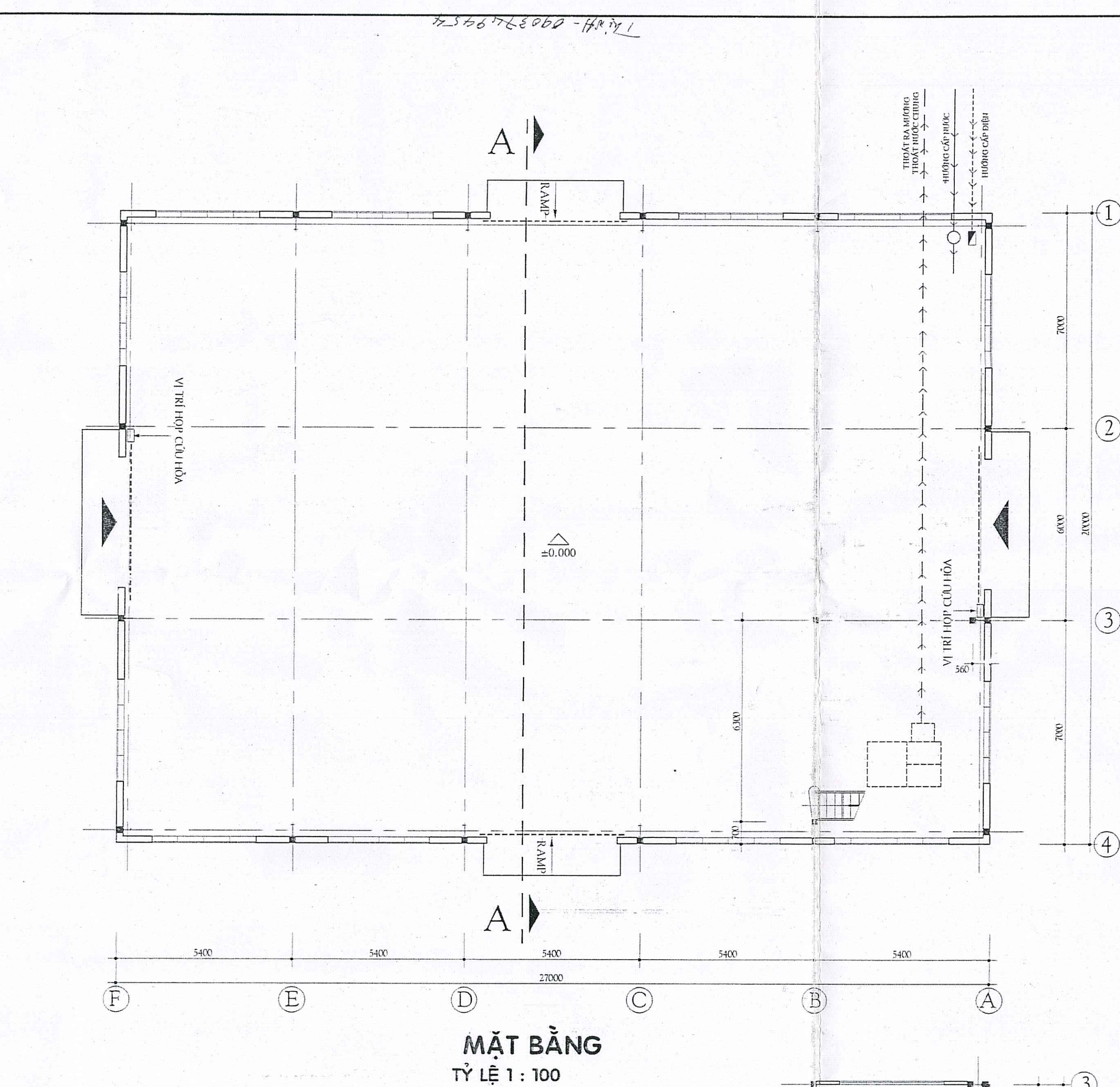
**KÊ GIẤM ĐỌC TRUNG TÂM
PHỔ GIẤM ĐỌC**



ThS Thái Sanh Bảo Huy

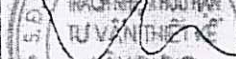
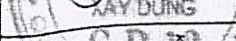
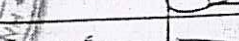
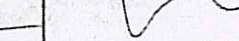
Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

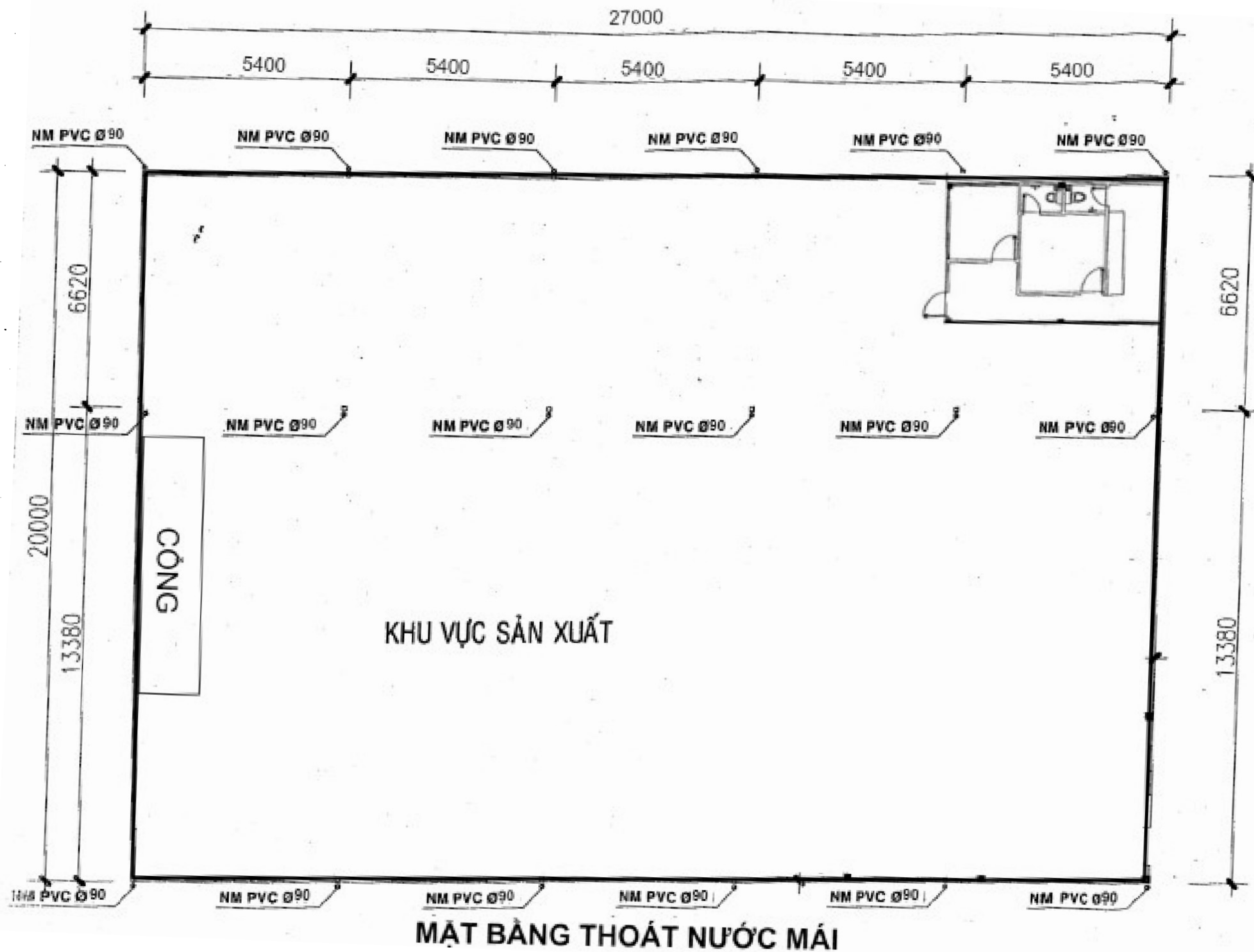
3/3



DUYỆT *Wu* **G7A2**
 ĐÍNH KÈM GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
 Số: 025 / GPXC
 Ngày: 2 / 8 / 2004
 TUN. CHỦ TỊCH UBND. QUẬN 12
 TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

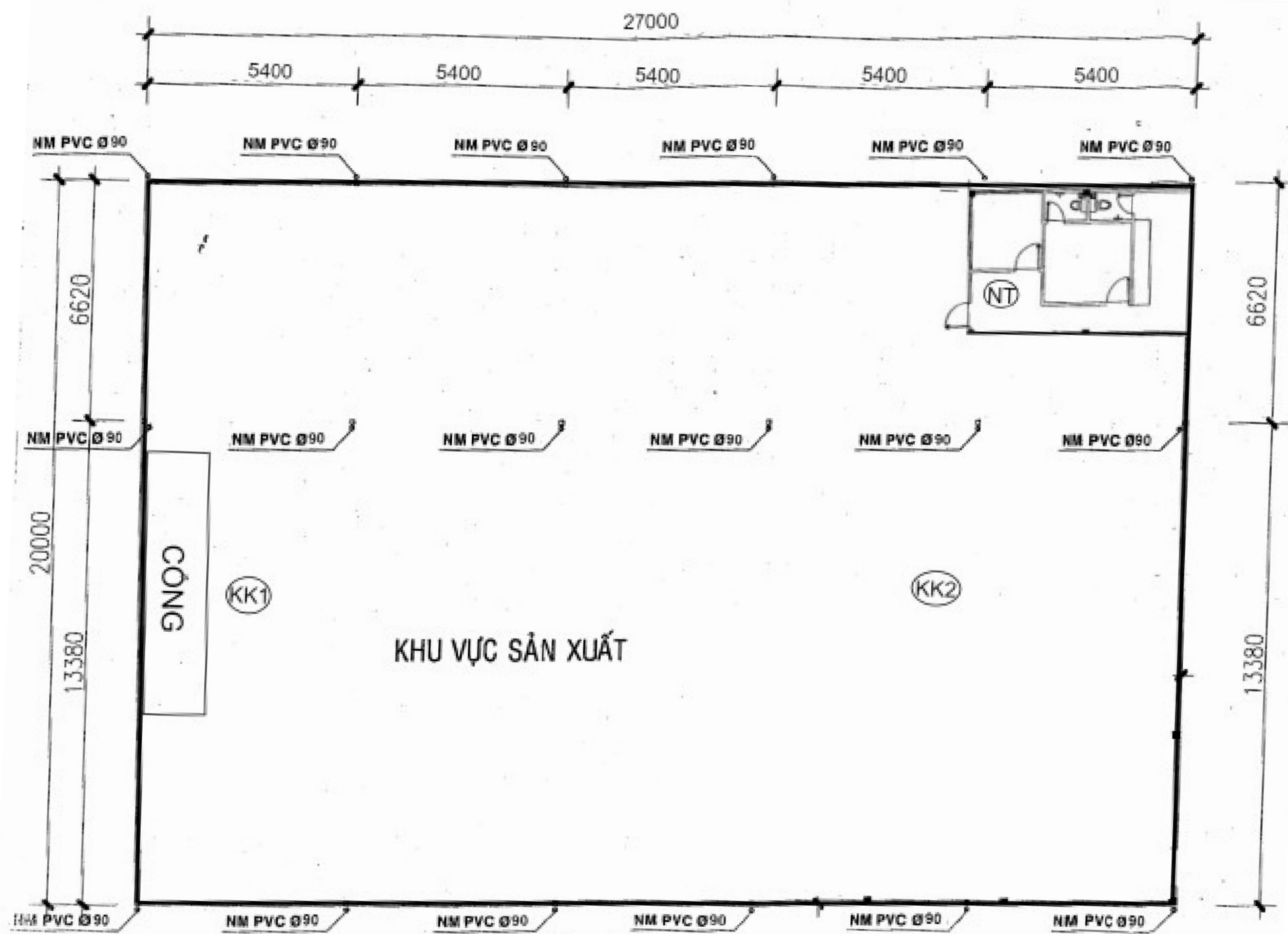
Nhằm (lô thửa, BK) : 90, 134-1, 134-2
Tờ bản đồ : THƯ 13. Bộ Địa Chính Xã Thạnh Lộc. Huyện Hóc Môn.
Nay thuộc : Phường Thạnh Xuân - Quận 12

UBND QUẬN 12		CÔNG TRÌNH: NHÀ KHO CHỨA HÀNG MAY MẶC		XPXD	
CÔNG TY XÂY DỰNG THIẾT KẾ VÀN DUNG		BỘ TƯ LỆNH QUÂN, QUÂN 4		HỒN THẠNH 05/2004	
CD12		MẬT BĂNG - MẬT DỪNG - MẬT CẮT HỖ ĐÓY VÀ TR. CHI TIẾT 2 TẦNG		K: 01/1	
ĐT: 7.1660008 - Fax: 7.156627					
		THIẾT KẾ		KIỂM	
 KTS NGUYỄN VĂN THẮNG		 KTS NGUYỄN CÔNG DŨNG		 KTS NGÔ MINH TRÍ	
				 CHỦ ĐẦU TƯ	



HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH (REVISION AND COMPLETION DATE)	
0	21/7/05
LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)	
THIẾT KẾ SƠ SƠ	☒ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐ REFERENCE
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐ REVISED
HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ (DESIGN EVALUATION OF AUTHORITIES)	
THẨM TRA THIẾT KẾ (DESIGN EXAMINATION OF CONSULTANT)	
THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (EMPLOYER'S APPROVAL)	
GHI CHÚ (NOTES)	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (Technical Manager)	
KS. PHẠM MINH TUẤN CHỦ TRÌ (Presided by)	
KTS. NGUYỄN ĐĂNG PHI HÙNG THIẾT KẾ (Designed by)	
KTS. NGUYỄN ĐĂNG PHI HÙNG THỂ HIỆN (Drawn by)	
KTS. VÕ THỊ ANH TRÂM KIỂM (Checked by)	
KS. PHẠM MINH TUẤN TÊN CÔNG TRÌNH (Project Name) XUỒNG SẢN XUẤT CACTONG	
PHƯƠNG TÂN CHÁNH HỢP Q.12 TP. HCM TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)	
M8 CẤP NƯỚC TỔNG THỂ	
Ngày thiết kế (Design Date) 18/05/2007	Ngày in (Print Date) 0
Trang (Page) 12	Trang (Page) 12

HỒ CHỮ VÀ NGÀY HOÀN THÀNH (REVISION AND COMPLETION DATE)	
0	21/7/05
LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)	
THIẾT KẾ SƠ SƠ (PRELIMINARY)	☒
TRÌNH DUYỆT (YOUR APPROVAL)	☒
THAM KHẢO (REFERENCE)	☐
THI CÔNG (CONSTRUCTION)	☐
HIỆU CHỈNH (REVISED)	☐
HOÀN CÔNG (AS-BUILT)	☐
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ (DESIGN EVALUATION OF AUTHORITIES)	
THẨM TRA THIẾT KẾ (DESIGN EXAMINATION OF CONSULTANT)	
THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (EMPLOYER'S APPROVAL)	
GHI CHÚ (NOTES)	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (Technical Manager)	
KS. PHẠM MINH TUẤN CHỦ TRÌ (Presided by)	
KTS. NGUYỄN ĐĂNG PHI HÙNG THIẾT KẾ (Designed by)	
KTS. NGUYỄN ĐĂNG PHI HÙNG VẼ HẸN (Drawn by)	
KTS. VÕ THỊ ANH TRÂM KIỂM (Checked by)	
KS. PHẠM MINH TUẤN TÊN CÔNG TRÌNH (Project Name)	
XƯỞNG SẢN XUẤT CACTONG	
PHÒNG TÀI CHÍNH HỢP Q.12 TP. HCM	
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)	
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	
NGÀY HOÀN THÀNH 18/05/2007	SỐ CÔNG TRÌNH 0
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)	KT-02 12



Ghi chú:
 NT: Vị trí giám sát nước thải
 KK1: Vị trí giám sát không khí khu vực công
 KK2: Vị trí giám sát không khí khu vực sản xuất

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG